



Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất
PETRO MIỀN TRUNG

GAS MIỀN TRUNG  **SINH RA ĐỂ PHỤC VỤ**



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN | 2021



PETROMIENTRUNG

Công ty cổ phần đầu tư & Sản xuất

PETRO MIỀN TRUNG

📍 Địa chỉ: Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam

☎ Điện thoại: +84-235.394.7233 / +84-235.394.7228

📠 Số Fax: +84-235.394.7244

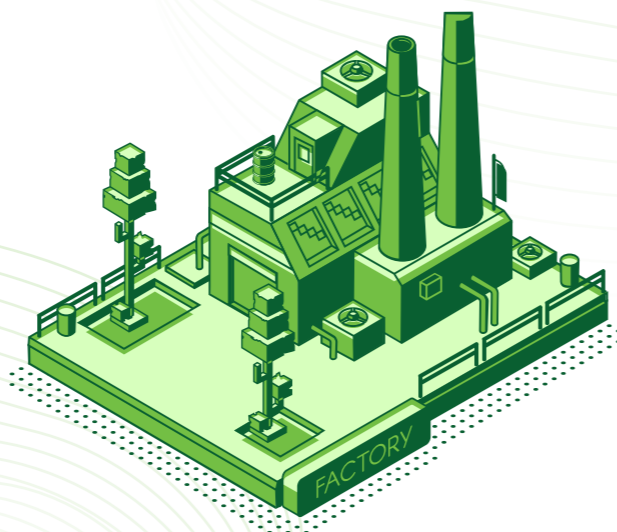
🌐 Website: www.petrocenter.com.vn

MỤC LỤC



I. THÔNG TIN CHUNG

Giới thiệu chung	4
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	6
Tầm nhìn – Sứ mệnh – Giá trị cốt lõi	8
Sản phẩm, dịch vụ chính của Công ty	10
Quá trình hình thành và phát triển	12



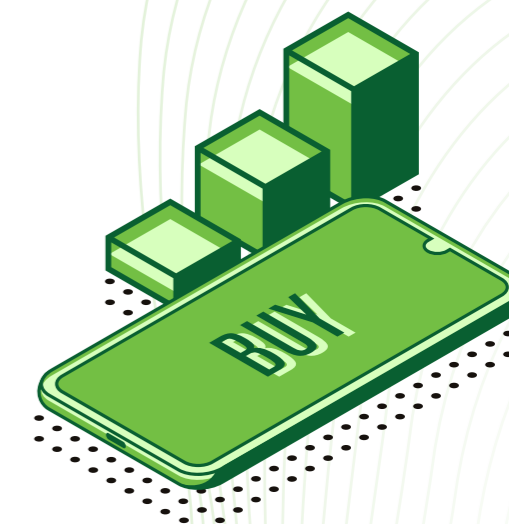
II. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Cơ cấu quản trị	18
Các công ty con và đơn vị trực thuộc	20
Hệ thống cầu cảng	24
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	28
Giới thiệu HĐQT, BKS và Ban điều hành	30
Bối cảnh vĩ mô và ngành khí thiên nhiên	38
Sức mạnh cạnh tranh của Petro Miền Trung	39
Chiến lược kinh doanh giai đoạn đến 2025	40
Gắn kết các bên liên quan trong chiến lược hoạt động	42
Quản trị rủi ro	46
Nguồn nhân lực	54



III. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Báo cáo của Hội Đồng Quản trị	56
Báo cáo và đánh giá của Ban Kiểm soát	59
Báo cáo và đánh giá của Ban TGD	60



IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính riêng lẻ và hợp nhất	66
--	----

GIỚI THIỆU CHUNG

Tên giao dịch : **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO MIỀN TRUNG**

Tên tiếng Anh : **PETRO CENTER CORPORATION**

Tên viết tắt : **PETRO MIEN TRUNG CO., JSC**

Mã cổ phiếu : **PMG**

Sàn niêm yết : **Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh
(HOSE)**

Logo :



Slogan : **Gas Miền Trung – Ra đời để phục vụ**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000462724 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 09/05/2007 thay đổi lần thứ 20 ngày 25/09/2020

Vốn điều lệ : **463.362.780.000 đồng**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : **653.845.218.762 đồng
(theo BCTC kiểm toán hợp nhất 2021)**

Địa chỉ : **Lô 4 KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam**

Số điện thoại : **+84-235.394.7233 / +84-235.394.7228**

Số Fax : **+84-235.394.7244**

Website : **www.petrocenter.com.vn**



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp



BÁN BUÔN NHIÊN LIỆU RẮN, LỎNG, KHÍ VÀ CÁC SẢN PHẨM LIÊN QUAN



DỊCH VỤ LƯU TRÚ NGẮN NGÀY



SẢN XUẤT THÙNG, BỂ CHỨA VÀ DỤNG CỤ CHỨA ĐỰNG BẰNG KIM LOẠI



HOẠT ĐỘNG VUI CHƠI GIẢI TRÍ KHÁC CHƯA ĐƯỢC PHÂN VÀO ĐẦU



VẬN TẢI HÀNG HÓA BẰNG ĐƯỜNG BỘ



BÁN BUÔN ĐỒ UỐNG



NHÀ HÀNG VÀ CÁC DỊCH VỤ ĂN UỐNG PHỤC VỤ LƯU ĐỘNG



BÁN BUÔN KIM LOẠI VÀ QUẶNG KIM LOẠI



SẢN XUẤT SẢN PHẨM TỪ PLASTIC



ĐẠI LÝ, MÔI GIỚI, ĐẦU GIÁ



CHẾ BIẾN, BẢO QUẢN THỦY SẢN VÀ CÁC SẢN PHẨM TỪ THỦY SẢN



CHO THUÊ MÁY MÓC, THIẾT BỊ VÀ ĐỒ DÙNG HỮU HÌNH KHÁC



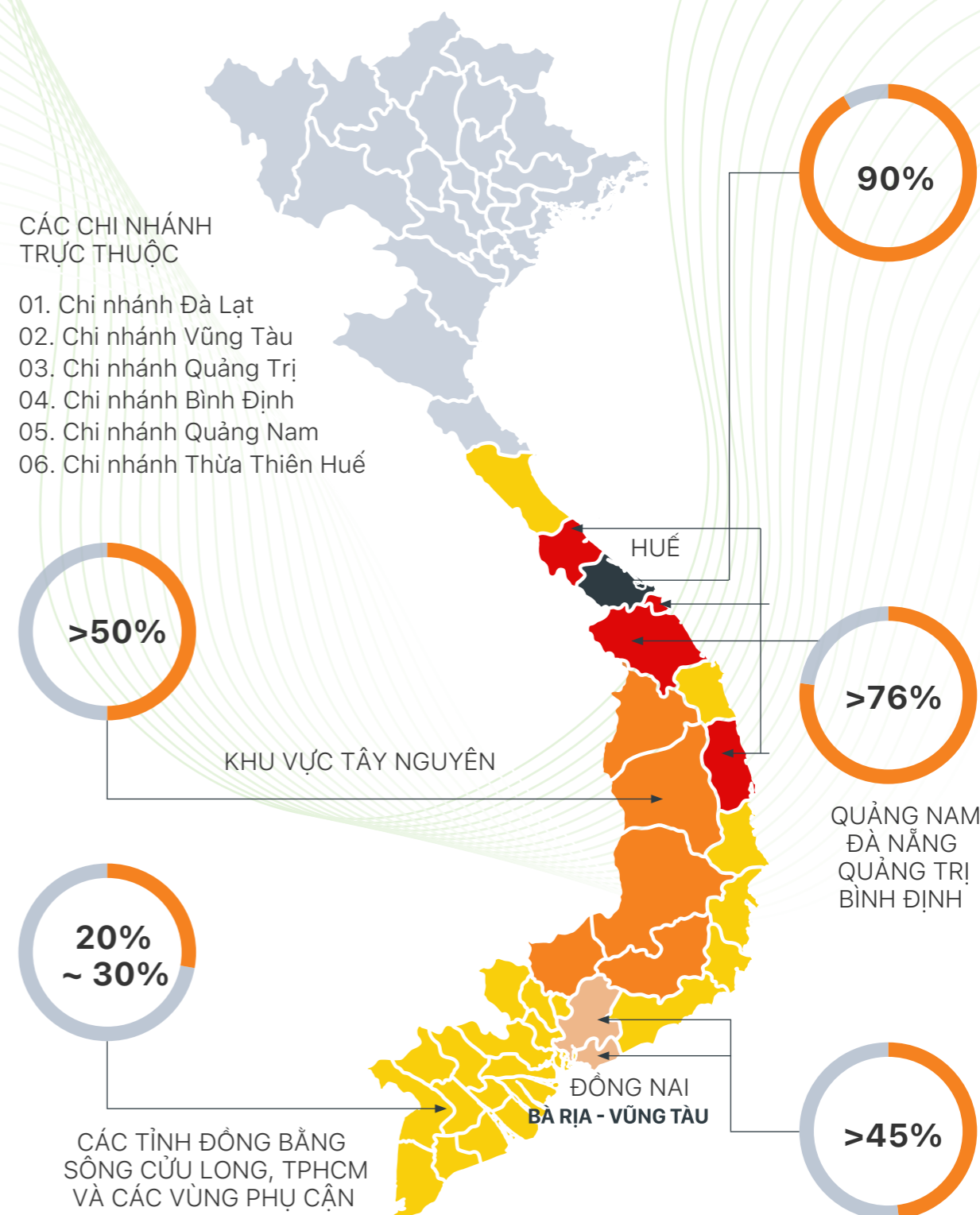
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG BỘ KHÁC



BÁN BUÔN ĐỒ DÙNG KHÁC CHO GIA ĐÌNH

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Bản đồ khu vực kinh doanh của PETRO MIỀN TRUNG



TẦM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI



Khách hàng là trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động



Sản phẩm dịch vụ tốt nhất, giá thành cạnh tranh nhất



Hệ thống dây chuyền công nghệ vận hành an toàn và hiện đại hàng đầu khu vực

“ Trở thành doanh nghiệp kinh doanh khí hóa lỏng (LPG) dẫn đầu tại thị trường Việt Nam và khu vực Đông Nam Á ”

Trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng được lựa chọn và đáng tin cậy nhất của khách hàng nhờ khả năng cung cấp đầy đủ và liên tục các sản phẩm - dịch vụ có chất lượng và giá thành tốt nhất dựa trên cơ sở luôn coi khách hàng làm trọng tâm. Tạo dựng cho cán bộ nhân viên một môi trường làm việc tốt nhất với nhiều cơ hội để phát triển năng lực, đóng góp giá trị và tạo dựng sự nghiệp thành đạt. Đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội Việt Nam



SẢN PHẨM, DỊCH VỤ CHÍNH CỦA CÔNG TY



Hoạt động của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung là phân phối bình Gas (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) bao gồm nhập khẩu khí hóa lỏng LPG tồn trữ và chiết nạp khí hóa lỏng, sản xuất vỏ bình gas và là đầu mối cung cấp Gas cho thị trường khu vực Miền Trung, Miền Nam và Tây Nguyên.

1. NHẬP KHẨU KHÍ GAS TỪ CÁC NHÀ CUNG CẤP TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Công ty có 02 cầu cảng xuất nhập khẩu LPG tại cảng Đồng Nai và cảng Chu Lai trong khu kinh tế mở Chu Lai, có thể đón tàu tải trọng từ 05 đến 20.000 tấn.

2. TRỮ KHÍ VÀO CÁC TỔNG KHO CỦA CÔNG TY TẠI CÁC VÙNG MIỀN TRUNG

Khí sau khi được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài cũng được nhập khẩu nội địa trong nước sẽ được lưu trữ vào các tổng kho của Công ty

3. SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KHỐI LƯỢNG 12 KG VÀ 45 KG

Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh và lượng khí dự kiến tiêu thụ, Công ty tiến hành sản xuất vỏ bình gas loại 12 kg và loại 45 kg.

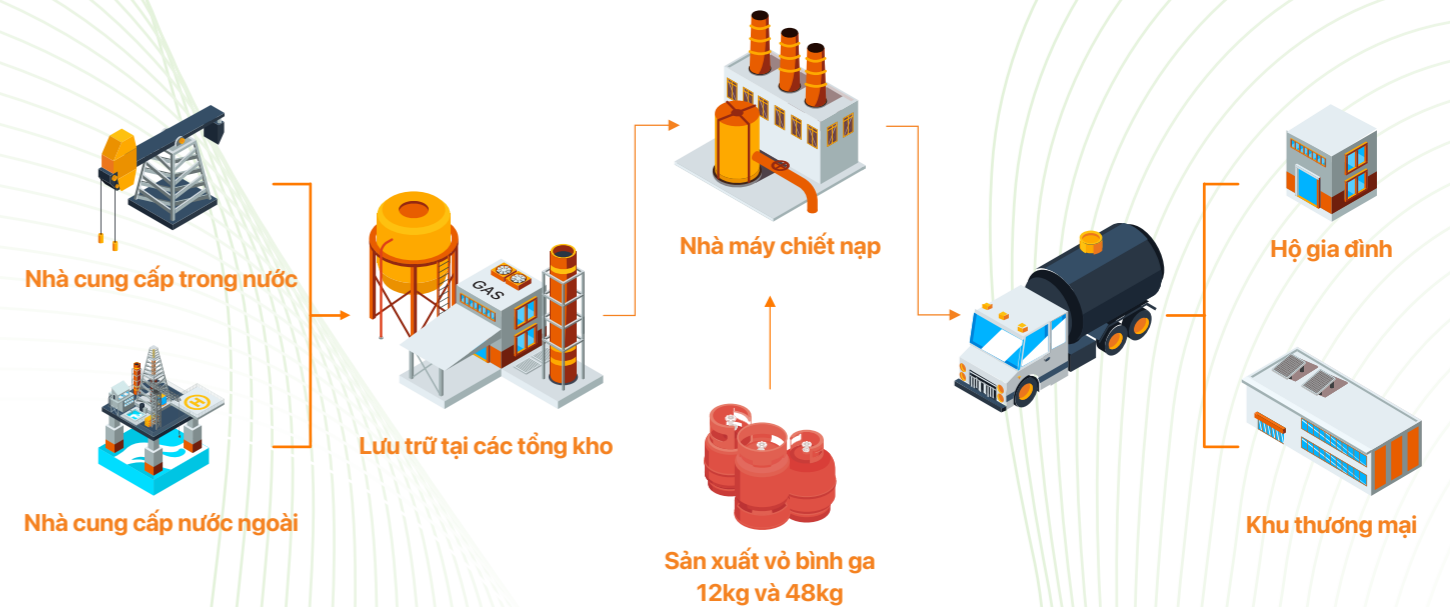
4. CHIẾT NẠP KHÍ GAS VÀO BÌNH

Khí gas sẽ được chiết vào 02 loại bình đã được sản xuất ở bước 3 để phân phối đến người tiêu dùng. Trong công đoạn này vấn đề an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Công ty đặc biệt quan tâm.

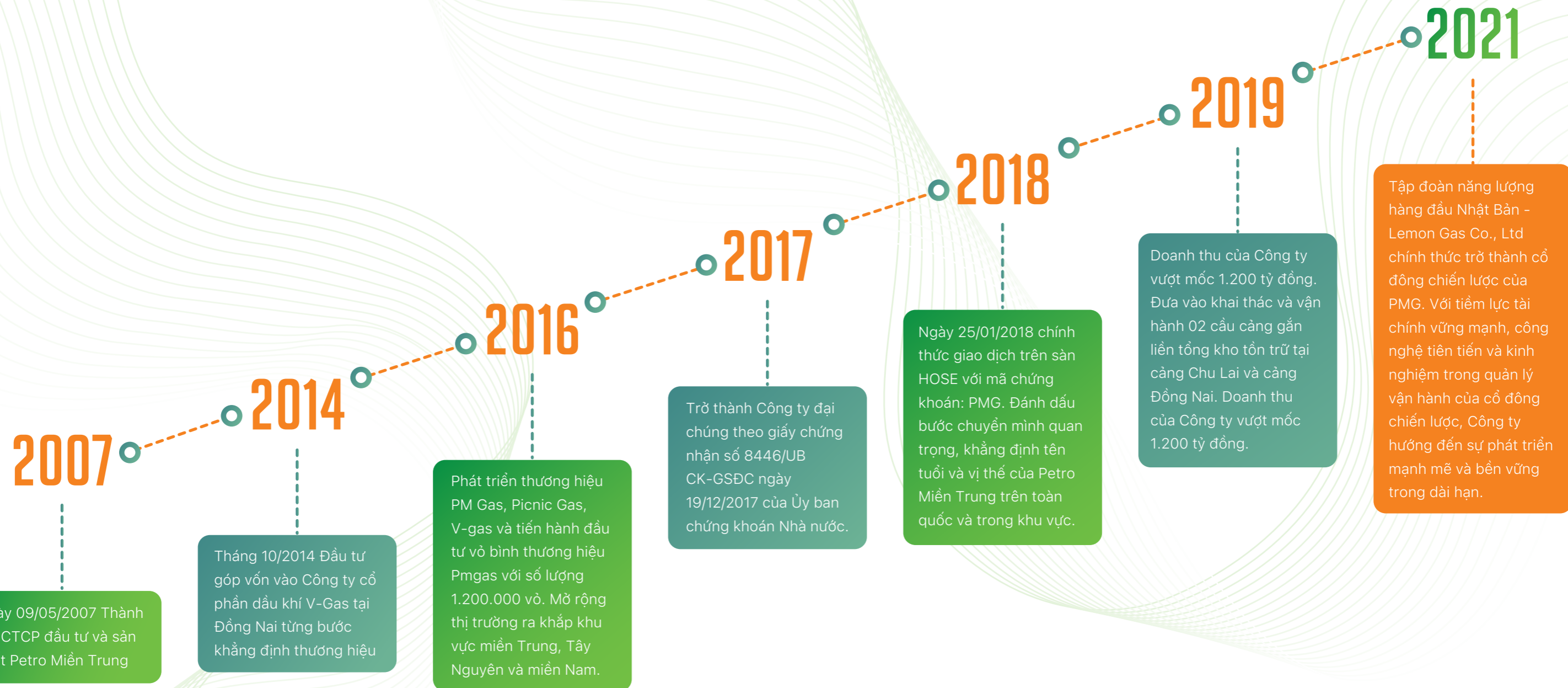
5. PHÂN PHỐI GAS ĐẾN NGƯỜI TIÊU DÙNG

Sau khi được sản xuất, các sản phẩm của Công ty (bình chứa gas loại 12 kg và loại 45 kg) sẽ được cấp cho đại lý lớn và bán lẻ đến từng hộ gia đình, cá nhân trong vùng. Công ty đã xây dựng cho mình một số khách hàng truyền thống lớn trong vùng qua thời gian hoạt động. Công ty tham gia chiết nạp khí gas và chuyên cung cấp gas cho các hộ gia đình tư nhân và một số doanh nghiệp lớn như Công ty cổ phần Đồng Tâm Miền Trung, Công ty TNHH Trung Hiếu, THACO Trường Hải, CTCP kinh doanh dầu khí Quảng Bình, Công ty TNHH TM DV Dầu Khí Sài Gòn Hưng Thịnh, CTCP Dầu Khí Hậu Giang, CTCP Petro Lâm Sơn, Công ty TNHH DV Gas Hạnh Nguyên, CTCP Gas Đại Sự, Công ty TNHH Tân Nhà Việt, Công ty TNHH Thương Mại Đức Gas... thị phần cung cấp Miền Trung chiếm 70% doanh thu bán hàng hóa của Công ty với 03 nhãn hiệu sản phẩm là V – Gas, PM Gas và Picnic – Vip.

Đồng thời, Công ty tiến hành tự sản xuất vỏ bình gas để chủ động trong quá trình chiết gas, cung cấp cho đại lý và phân phối đến người tiêu dùng trong khu vực



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



“HĐQT ĐÃ LUÔN THEO SÁT CÁC BIẾN ĐỘNG CỦA THỊ TRƯỜNG DẦU KHÍ THẾ GIỚI, TRIỂN VỌNG KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NƯỚC CŨNG NHƯ NGUỒN CẤP KHÍ VÀ DIỄN BIẾN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG, TÌNH HÌNH NỘI TÀI CỦA CÔNG TY ĐỂ ĐƯA RA NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG CHỈ ĐẠO PHÙ HỢP VỚI THỰC TẾ”

Kính thưa : Quý Cổ đông và Nhà đầu tư

Năm 2021, nền kinh tế thế giới đã tiếp tục chịu tác động nặng nề của đại dịch Covid-19 bùng phát khó lường và lan rộng trên toàn Thế giới. Dưới tác động kép của dịch bệnh và giá dầu vẫn ở mức thấp khiến ngành dầu khí Việt Nam gặp nhiều khó khăn, Petro Miền Trung cũng chịu tác động trực tiếp khi các khách hàng của Công ty thu hẹp quy mô, đình trệ sản xuất.

Trước bối cảnh đó, Petro Miền Trung đã đánh giá, nhận diện các rủi ro, đưa ra các giải pháp linh hoạt trên cơ sở phát huy hiệu quả các nguồn lực sẵn có, bám sát tình hình biến động của giá dầu, diễn biến thị trường để giữ vững thị phần, phát triển khách hàng.

Bên cạnh đó, đối tác chiến lược Lemon Gas Co., Ltd là doanh nghiệp năng lượng hàng đầu Nhật Bản đã chính thức trở thành cổ đông lớn vào tháng 04/2021. Với tiềm lực tài chính vững mạnh, công nghệ tiên tiến cũng như kinh nghiệm trong quản trị điều hành, Lemon Gas sẽ giúp Petro Miền Trung phát triển bền vững trong dài hạn.

Bước sang năm 2022 và các năm tiếp theo, trên cơ sở phát huy nội lực, Công ty tiếp tục thực hiện các biện pháp để đảm bảo SXKD an toàn, hiệu quả, đẩy mạnh công tác phát triển, mở rộng thị trường, quảng bá thương hiệu Petro Miền Trung và từng bước chiếm lĩnh thị phần, trở thành Công ty hàng đầu Việt Nam cung cấp năng lượng sạch trên toàn quốc.

Petro Miền Trung xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông, Khách hàng, Đối tác đã luôn ủng hộ, đồng hành cùng Công ty trong giai đoạn khó khăn vừa qua, chúng tôi rất mong tiếp tục nhận được sự hợp tác, đồng hành của Quý vị trong thời gian tới để Petro Miền Trung ngày càng phát triển hơn nữa.

Trân trọng!

Chủ tịch Hội đồng quản trị

NGUYỄN TIẾN LÃNG

CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG 2021

TỔNG GIÁ TRỊ
KINH TẾ TẠO RA

1.649

TỶ ĐỒNG

NỘP NGÂN SÁCH
NHÀ NƯỚC

35.4

TỶ ĐỒNG

ĐÓNG GÓP CHO
CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

200

TRIỆU ĐỒNG

LÃNH ĐẠO CAO CẤP
LÀ NỮ

5%

CỔ TỨC 2021

0%

SỐ LƯỢNG CBNV
2021

361

NGƯỜI

LAO ĐỘNG NỮ/
TỔNG SỐ LAO ĐỘNG

15%

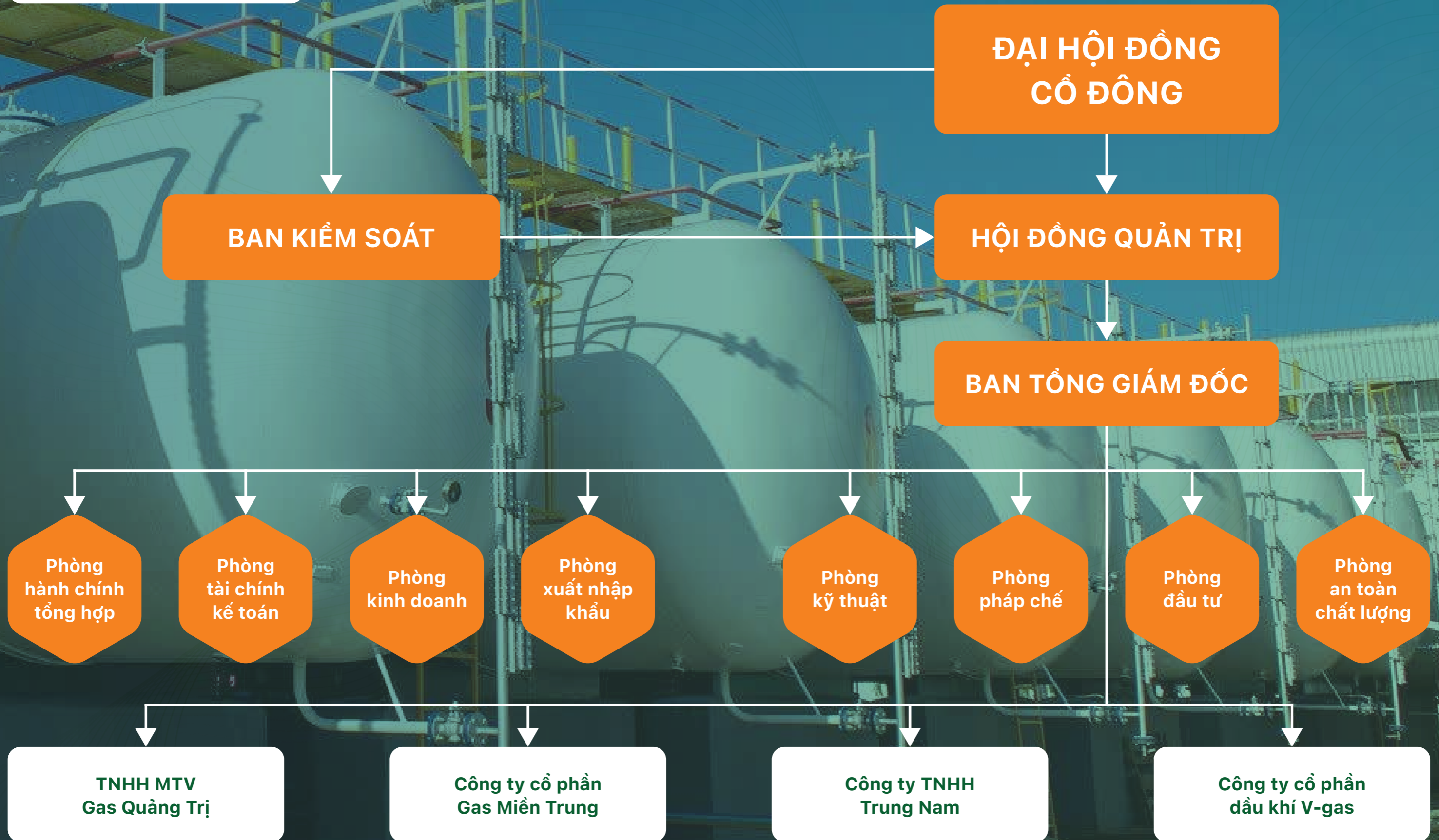
LƯƠNG THƯỞNG &
PHÚC LỢI CHO CBNV

44,8

TỶ ĐỒNG



CƠ CẤU QUẢN TRỊ



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

Các công ty con



**Công ty CP
Dầu khí V-Gas**

Địa chỉ

Số 1A/8, đường Châu Văn Lồng, Khu phố Long Điểm, Phường Long Bình Tân, Tỉnh Đồng Nai

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3603202837

Vốn điều lệ

225 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



**Công ty CP
Gas Miền Trung**

Địa chỉ

Lô 6 KCN Điện nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc - TX Điện Bàn, Quảng Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

4000354775

Vốn điều lệ

327 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



**Công ty TNHH
Trung Nam**

Địa chỉ

8G Khu Phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

0302137561

Vốn điều lệ

15 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

65,00%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng



**Công ty TNHH MTV
Gas Quảng Trị**

Địa chỉ

KCN Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

3200711969

Vốn điều lệ

10 tỷ đồng

Tỷ lệ sở hữu vốn

51%

Ngành nghề kinh doanh chính

Kinh doanh khí hóa lỏng

Các tổng kho, đơn vị trực thuộc

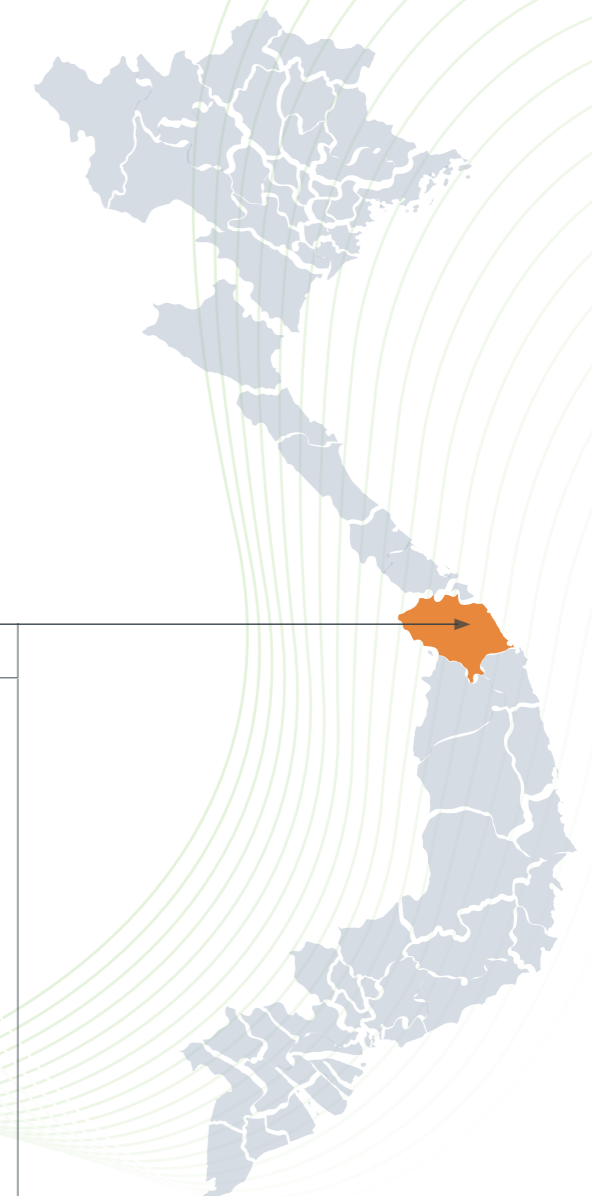
1. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 4 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



2. TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÔ 6 KCN ĐIỆN NAM - ĐIỆN NGỌC



3. TỔNG KHO TỒN TRỮ, CẢNG XUẤT NHẬP KHẨU GAS CÙNG NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI



CÁC CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

4. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI HUẾ



5. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI LÂM ĐỒNG



6. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI BÌNH ĐỊNH



9. CẢNG XUẤT, NHẬP LPG, TỔNG KHO VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI ĐỒNG NAI



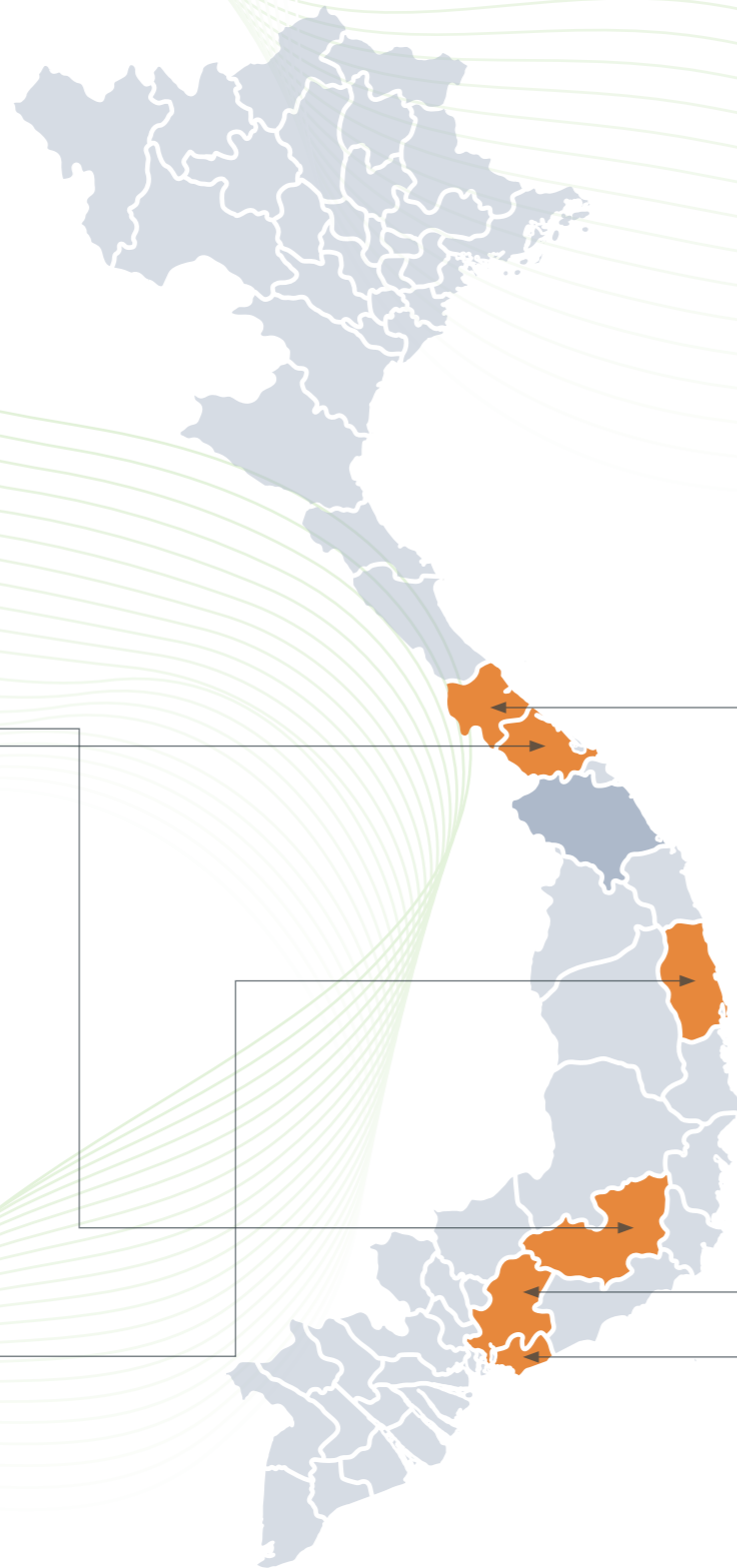
8. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI QUẢNG TRỊ



7. KHO TỒN TRỮ VÀ NHÀ MÁY CHIẾT NẠP TẠI VŨNG TÀU



10. NHÀ MÁY SẢN XUẤT VỎ BÌNH GAS KCN PHÚ MỸ - BÀ RỊA VŨNG TÀU



CÁC TỔNG KHO, ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

HỆ THỐNG CẦU CẢNG

Petro Miền Trung đã sở hữu và vận hành **02 cầu cảng lớn tại Cảng Chu Lai – Quảng Nam và Cảng Biên Hòa – Đồng Nai** gắn liền với các tổng kho có thể đón tàu tải trọng từ **5.000 tấn đến 20.000 tấn**, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyên chở các tàu vận tải cỡ lớn, góp phần giảm chi phí vận chuyển, hạ giá thành nguyên liệu đầu vào.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN CỔ PHẦN

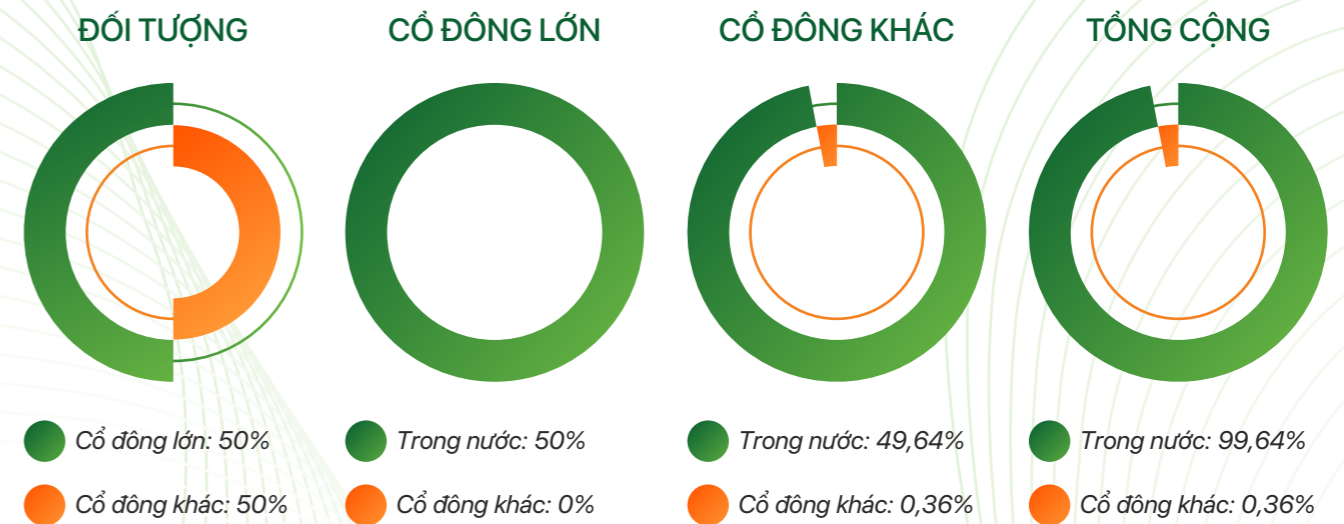
Tổng số lượng cổ phần:	:	46.336.278 cổ phần
Trong đó		
Số lượng cổ phần phổ thông	:	46.336.278 cổ phần
Số lượng cổ phần ưu đãi	:	0 cổ phần

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

THEO DANH SÁCH CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 23/03/2021 ĐỂ HỌP ĐHĐCĐ THƯỜNG NIÊN 2021

Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
				Tổ chức	Cá nhân
Cổ đông Nhà nước	0	0	0	0	0
Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	0	0	0	0	0
<i>Trong nước</i>	0	0	0	0	0
<i>Nước ngoài</i>	0	0	0	0	0
Cổ đông lớn	23.168.474	50,00	2	0	2
<i>Trong nước</i>	23.168.474	50,00	2	0	2
<i>Nước ngoài</i>	0	0	0	0	0
Công đoàn Công ty	0	0	0	0	0
<i>Trong nước</i>	0	0	0	0	0
<i>Nước ngoài</i>	0	0	0	0	0
Cổ phiếu quỹ	0	0	0	0	0
Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi	0	0	0	0	0
Cổ đông khác	23.167.804	50,00	576	21	555
<i>Trong nước</i>	23.002.869	49,64%	559	15	544
<i>Nước ngoài</i>	164.935	0,36%	17	6	11
TỔNG CỘNG	46.336.278	100,00	578	21	557
<i>Trong nước</i>	46.171.343	99,64%	561	15	546
<i>Nước ngoài</i>	164.935	0,36%	17	6	11

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY TẠI NGÀY 23/03/2021



CÔNG TY KHÔNG THỰC HIỆN TRẢ CỔ TỨC NĂM 2021
GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ: **KHÔNG CÓ**

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN

Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	SLCP sở hữu đầu kỳ		SLCP sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng/giảm	Thời gian thực hiện
		SLCP	Tỷ lệ	SLCP	Tỷ lệ		
Lemon Gas Co., Ltd	Tổ chức có liên quan của Thành viên HĐQT – Sato Ryoichi	0	0%	11.492.327	24,8%	Mua	02/04/2021
Lemon Gas Co., Ltd	Tổ chức có liên quan của Thành viên HĐQT – Sato Ryoichi	11.492.327	24,8%	11.584.070	25%	Mua	14/05/2021

HOẠT ĐỘNG QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

Thực hiện đúng các chuẩn mức QTCT được quy định trong văn bản lập quy của Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành của Bộ Tài chính và UBCKNN, Ban Lãnh đạo luôn chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác Quan hệ Nhà đầu tư, đặc biệt là hoạt động công bố thông tin ra thị trường.

Đối với các sự kiện có ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trên thị trường, Công ty luôn đảm bảo việc truyền tải thông tin chính xác và kịp thời đến các cổ đông và cộng đồng nhà đầu tư. Không dừng lại ở việc tuân thủ, Công ty cũng trao đổi với các biên liên quan và cổ đông, công bố thông tin một cách chủ động. Công ty cũng đã thường xuyên cập nhật thông tin đầy đủ và kịp thời trên website, đăng tải các thông tin liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh trên website của Công ty.

Các kỳ ĐHĐCĐ luôn được Công ty chú trọng và chuẩn bị một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, vì đây là cơ hội quan trọng để Công ty gặp gỡ cổ đông và nhà đầu tư. Ban Lãnh Đạo trình bày kết quả, kế hoạch kinh doanh và những nội dung quan trọng khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ. Đây cũng là cơ hội để Ban Lãnh đạo có thể giải đáp thắc mắc để các cổ đông có thể hiểu rõ về Công ty hơn.

Trong năm, do tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục phức tạp nên Công ty không tổ chức cuộc tiếp xúc trực tiếp với cổ đông và nhà đầu tư. Tuy nhiên, Công ty luôn tiếp thu và phản hồi các câu hỏi, ý kiến góp ý của cổ đông qua các kênh truyền thông như điện thoại, email, website...

LƯƠNG, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BKS, BGD

Công ty áp dụng chế độ lương cho Ban điều hành theo quy định của pháp luật, hài hòa với chính sách lương và quỹ lương hàng năm của Công ty, tương xứng với năng lực và kết quả công việc của từng thành viên. Chế độ thưởng và phúc lợi chung khác theo chính sách nhân viên và Thỏa ước lao động tập thể của Petro Miền Trung.

Tiền thưởng Ban điều hành trích từ lợi nhuận sau thuế, áp dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ thường niên về Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành.

**SỐ TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO ĐÃ
TẠM CHI CHO HĐQT, BKS VÀ GD**

1.180.410.000

Đồng



The background image shows a professional meeting in progress. Several people are seated around a table, focused on their work. In the foreground, a person's hands are visible, holding a red pencil and pointing at a document with a flowchart or organizational chart. Another person's hands are seen holding a yellow highlighter. Two laptops are open on the table, displaying data or documents. The overall scene is dimly lit with a teal color overlay, creating a professional and collaborative atmosphere.

 GIỚI THIỆU HĐQT, BKS VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ÔNG NGUYỄN TIẾN LÃNG

Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1968

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gas Miền Trung

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

16.217.932 cổ phần, chiếm **35%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

6.950.542 cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

6.950.542 cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG LÊ TẤN CẦN

Chức vụ: Thành viên độc lập HĐQT

Năm sinh: 1956

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Kỹ thuật công nghệ

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



ÔNG SATO RYOICHI

Chức vụ: Thành viên HĐQT

Năm sinh: 1969

Quốc tịch: Nhật Bản

Trình độ chuyên môn:

Thạc sĩ chuyên ngành Hoá học

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Lemon Gas

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

11.584.070 cổ phần, chiếm **25%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

0 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

11.584.070 cổ phần

DANH SÁCH BAN ĐIỀU HÀNH

DANH SÁCH BAN KIỂM SOÁT



BÀ NGUYỄN THỊ BÍCH THÙY

Chức vụ: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1977

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành du lịch

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

6.950.542 cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

6.950.542 cổ phần, chiếm **15%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ VÕ THỊ ÁNH NGUYỆT

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 1981

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

140.415 cổ phần, chiếm **0,3%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

140.415 cổ phần, chiếm **0,3%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG BÍCH

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

168 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

168 cổ phần, chiếm **0%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ LÊ THỊ HỒNG TRANG

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Trung cấp chuyên ngành kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

28.083 cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

28.083 cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BÀ TRẦN THỊ QUYÊN

Chức vụ: Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1985

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Trung cấp kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

28.083 cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

28.083 cổ phần, chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần

KẾ TOÁN TRƯỞNG

BÀ NGUYỄN THỊ LINH THƯỜNG

Chức vụ: Kế toán trưởng

Năm sinh: 1979

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Đại học chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Không

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Trong đó

Sở hữu cá nhân:

28.083 cổ phần,
chiếm **0,06%** vốn điều lệ

Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phần



BỐI CẢNH VĨ MÔ VÀ NGÀNH KHÍ THIÊN NHIÊN



TRIỂN VỌNG KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ VIỆT NAM

Sau năm 2020 bị ảnh hưởng nặng nề do đại dịch Covid-19, kinh tế thế giới bước sang năm 2021 với nhiều kỳ vọng phục hồi. Tuy nhiên, đại dịch vẫn diễn biến khó lường khi phát hiện các biến chủng mới của Covid. Mỗi lần có biến chủng mới như Delta, Omicron, triển vọng kinh tế thế giới lại bị ảnh hưởng và tâm lý bi quan xuất hiện. Nhờ một loạt vaccine ngừa Covid-19 được phê chuẩn và triển khai như vaccine của Pfizer/BioNTech, Moderna, Oxford/AstraZeneca và vaccine của Trung Quốc, Nga, các nền kinh tế đã mở cửa trở lại bước vào trạng thái bình thường mới.

Theo các tổ chức kinh tế lớn như OECD, UNCTAD, IMF, WB..., tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2021 dao động trong khoảng 5,3% - 5,9%. Tuy nhiên, đà phục hồi kinh tế không đồng đều giữa các khu vực trên thế giới. Tăng trưởng kinh tế Mỹ đạt khoảng 5,6% trong năm 2021 sau khi suy giảm hơn 3% vào năm ngoái, nhờ lợi thế trong việc sản xuất, phân phối vaccine và chính sách kích thích kinh tế mạnh mẽ. Tăng trưởng kinh tế tại khu vực EU đạt khoảng 5,2%, được hỗ trợ mạnh mẽ từ hoạt động tiêu dùng, hoạt động đầu tư ở tầm quốc gia và khu vực; Trung Quốc đạt mức tăng trưởng 8% trong năm 2021.

Đối với các nền kinh tế đang phát triển và mới nổi, WB dự báo tốc độ tăng trưởng chậm lại ở mức 4,6% trong năm 2022, thấp hơn so với 6,3% của năm 2021 và tiếp tục giảm xuống còn 4,4% trong năm 2023. Năm 2022, Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu mức tăng trưởng GDP đạt 6-6,5% với các chính sách kích thích kinh tế mạnh mẽ đặc biệt là đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh.

THỊ TRƯỜNG KHÍ THIÊN NHIÊN: CƠ HỘI XEN LẤN THÁCH THỨC

Năm 2021, giá dầu thô Brent trung bình đạt mức 70,5 USD/thùng, tăng 66,5% so với năm 2020. Hoạt động kinh tế xã hội, giao thương tại hầu hết quốc gia khôi phục trở lại đẩy nhu cầu nhiên liệu tăng cao là nguyên nhân chính khiến giá dầu tăng mạnh. Ngoài ra còn có thể kể đến nguyên nhân quan trọng khác như tình trạng tắc nghẽn logistics do đại dịch, thiên tai khắc nghiệt... khiến giá than và khí tăng, đẩy giá dầu tăng.

Trong năm 2021, khối OPEC+ cũng tuân thủ thỏa thuận cắt giảm sản lượng ký vào đầu năm 2021 trước lo ngại nhu cầu không ổn định. Đặc biệt, biến động địa chính trị tại khu vực Đông Âu đẩy thị trường dầu khí tăng vọt và đầu năm 2022 có lúc vượt mức 100 USD/thùng.

Dự báo trong năm 2022, OPEC+ vẫn thận trọng trong việc tăng sản lượng cùng với sự phục hồi chậm của ngành công nghiệp dầu mỏ Mỹ do thiếu hụt các khoản đầu tư mới trong nhiều năm khiến việc tăng sản lượng khai thác dầu gặp nhiều khó khăn. Rủi ro địa chính trị tại Đông Âu dự kiến tiếp diễn và nhu cầu thế giới khi các nền kinh tế phục hồi sẽ khiến giá dầu khí thế giới duy trì mức cao trong năm 2022.

SỨC MẠNH CẠNH TRANH CỦA PETRO MIỀN TRUNG

1

LỢI THẾ CẠNH TRANH TỪ SẢN PHẨM PETRO MIỀN TRUNG: Là nhiên liệu cho hiệu suất cao, giúp tăng tuổi thọ máy móc, thiết bị; thân thiện môi trường; hiệu quả kinh tế, tiết kiệm chi phí hơn hẳn nhiên liệu truyền thống; và an toàn hơn trong vận hành sản xuất.

2

CÓ UY TÍN VÀ THƯƠNG HIỆU TRÊN THỊ TRƯỜNG và luôn nhận được sự ủng hộ của khách hàng. Hệ thống khách hàng ổn định đa dạng, tập trung lại các địa bàn trọng điểm như: Quảng Nam, Quảng Trị, Đồng Nai, Bà Rịa – Vũng Tàu...

3

CƠ SỞ HẠ TẦNG VÀ CÔNG NGHỆ: Công suất nhà máy đảm bảo cấp khí cho khách hàng ổn định, hệ thống tổng kho, đại lý trải rộng khắp các KCN. Công ty cũng đã làm chủ công nghệ hiện có và đang đẩy mạnh nghiên cứu, hướng tới sẽ áp dụng công nghệ từ Nhật Bản của đối tác chiến lược Lemon Gas.

4

NHÂN SỰ VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP: Nhân sự lãnh đạo quản lý cấp cao có trình độ và tầm nhìn quản lý doanh nghiệp, CBCNV năng động, sáng tạo và chủ động công việc; Tạo lập được văn hóa doanh nghiệp, tập hợp được sức mạnh tập thể đoàn kết hướng tới mục tiêu chung của toàn Công ty.

5

MỐI QUAN HỆ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN: Luôn nhận được sự chia sẻ, hỗ trợ của Đối tác, Khách hàng, Cổ đông chiến lược và các đơn vị thành viên, các đơn vị trong và ngoài ngành.



CHIẾN LƯỢC KINH DOANH GIAI ĐOẠN ĐẾN 2025

TẦM NHÌN

Xây dựng và phát triển Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung bền vững, trở thành nhà cung cấp khí hóa lỏng hàng đầu tại Việt Nam, đi đầu trong lĩnh vực công nghệ và dẫn đầu về thị phần khí hóa lỏng trên thị trường.

ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC

Xây dựng Công ty Cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trở thành một doanh nghiệp có thương hiệu mạnh, phạm vi hoạt động khắp cả nước.

Phát triển Công ty cổ phần Đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung theo hướng đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh, lấy trọng tâm là sản xuất kinh doanh khí hóa lỏng.

Đào tạo đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn vững, kỹ thuật cao, đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật, công nghệ cao của khí hóa lỏng.

MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC ƯU TIÊN

1. Bao phủ thị trường khí hóa lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hóa lỏng.
2. Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hóa lỏng.
3. Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành.
4. Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hóa lỏng.
5. Xây dựng thương hiệu Petro Miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.
6. Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.

BAO PHỦ THỊ TRƯỜNG KHÍ HOÁ LỎNG TOÀN QUỐC

Chiến lược chung là tiếp tục phát triển khí hóa lỏng đến năm 2022, sau đó duy trì giữ ổn định khách hàng khí hóa lỏng, từ 2023 triển khai phát triển khách hàng sử dụng khí hóa lỏng (hoặc triển khai sớm hơn tùy theo tiến độ nhập khẩu khí hóa lỏng) để nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần.

Hiện Petro Miền Trung đang kinh doanh khí hoá lỏng tập trung tại miền Trung và Đồng bằng sông Cửu Long. Dự kiến từ năm 2022 theo mô hình tập trung kinh doanh sản phẩm khí, Petro Miền Trung sẽ mở rộng thị trường và sản lượng tiêu thụ khí khí hóa lỏng trên cả nước.

Để thực mục tiêu đó, Công ty chủ trương:

- Đa dạng hóa phương thức bán hàng như bán khí hóa lỏng tại trạm mẹ, bán qua các Nhà phân phối/Đại lý và các hình thức hợp tác kinh doanh khác.
- Đa dạng hóa phương thức đầu tư: khách hàng tự đầu tư hệ thống thiết bị, phương tiện vận chuyển hoặc hợp tác đầu tư với Petro Miền Trung.
- Đa dạng hóa đối tác: hợp tác các đối tác có tiềm lực sản xuất, vận hành hệ thống thiết bị chuyên dụng khí hóa lỏng, đối tác vận chuyển, dịch vụ cung cấp nhân sự,...
- Đa dạng hóa khách hàng nhằm đảm bảo sự ổn định và giảm phụ thuộc vào một ngành sản xuất nhất định.

NÂNG CAO NĂNG LỰC SẢN XUẤT, TỒN CHỨA KHÍ HOÁ LỎNG

Để phục vụ các mục tiêu chiến lược, Công ty cần đầu tư hoặc thuê nhằm nâng cao năng lực cung ứng, nâng công suất nén, vận chuyển phân phối đến khách hàng. Cụ thể:

- Nâng cao công suất nhà máy, phát triển thị trường khí hóa lỏng miền Bắc và đầu tư hệ thống xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.
- Xây dựng các bồn chứa tại khách hàng đồng thời đầu tư xe bồn chuyên dụng vận chuyển khí hóa lỏng.

HOÀN THIỆN CHUỖI VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI, VẬN HÀNH, TIÊN PHONG CÔNG NGHỆ TỒN CHỨA, VẬN CHUYỂN, PHÂN PHỐI KHÍ HOÁ LỎNG

Công ty tiếp tục tinh gọn bộ máy nhân sự, xây dựng hoàn chỉnh cơ cấu các phòng, Chi nhánh, đào tạo nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu ngày càng lớn mạnh của Công ty. Nghiên cứu hệ thống thiết bị cung cấp khí hóa lỏng để đón đầu phát triển thị trường. Nghiên cứu sâu công tác nén, bảo dưỡng, điều độ vận chuyển nhằm rút ngắn thời gian vận chuyển đến khách hàng an toàn, ổn định. Xây dựng cơ sở hạ tầng nhà máy khí hóa lỏng hiện đại, đồng bộ đáp ứng nhu cầu thị trường.

XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU PETRO MIỀN TRUNG VÀ VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

Xây dựng và phát triển thương hiệu Petro Miền Trung trở thành thương hiệu uy tín, chất lượng và phổ biến. Đưa Petro Miền Trung ăn sâu vào tiềm thức các khách hàng tiêu thụ nhiên liệu và các nhà đầu tư. Đưa văn hóa doanh nghiệp, văn hóa an toàn thấm nhuần tới từng CBCNV.

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG, CHUNG TAY XÂY DỰNG XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG

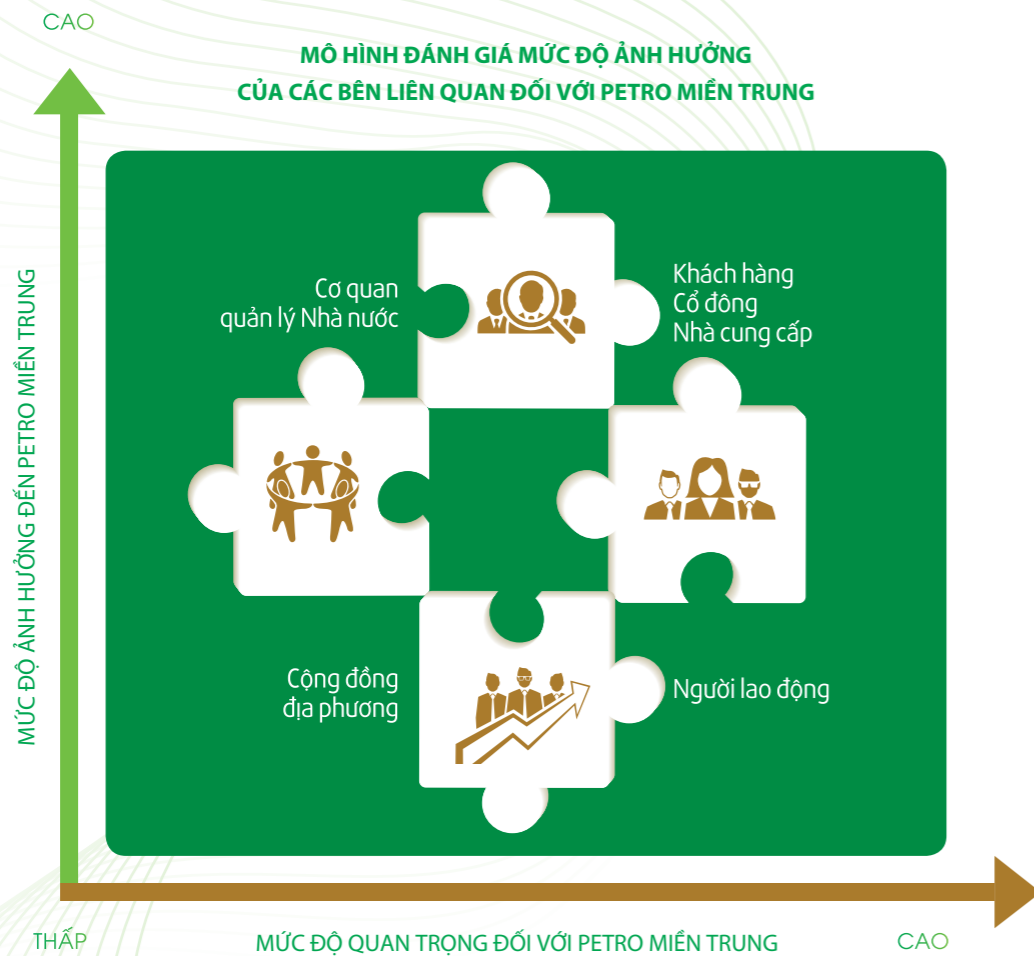
Công ty đảm bảo mục tiêu luôn tuân thủ các quy định của Pháp luật và Nhà nước về bảo vệ môi trường. Sử dụng công nghệ tiên tiến, xanh, sạch, thân thiện với môi trường, với mục tiêu hiệu quả, tiết kiệm và giảm thiểu tác động đến môi trường. Xử lý, vận chuyển và thu xếp việc xả thải an toàn các nguyên liệu, sản phẩm và chất thải một cách có trách nhiệm với môi trường.



GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (1)

LÀ CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG LĨNH VỰC SẢN XUẤT VÀ PHÂN PHỐI KHÍ THIÊN NHIÊN, CỤ THỂ LÀ KHÍ HOÁ LỎNG, CÔNG TY CÓ MỐI QUAN HỆ MẬT THIẾT VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN TỪ ĐẦU VÀO ĐẾN ĐẦU RA VÀ VỚI CỘNG ĐỒNG - XÃ HỘI. ĐẶT TRONG BỐI CẢNH KINH DOANH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN DÀI HẠN, PETRO MIỀN TRUNG LUÔN XEM CÁC BÊN LIÊN QUAN LÀ NHỮNG ĐỐI TÁC QUAN TRỌNG BẬC NHẤT VÀ ẢNH HƯỞNG MẠNH MẼ ĐẾN HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA CÔNG TY TRÊN CÁC MẶT KINH TẾ, XÃ HỘI VÀ MÔI TRƯỜNG.

Xác định được điều đó, Petro Miền Trung đã xây dựng mối quan hệ bền vững với các bên liên quan, thường xuyên tham vấn để thu thập thông tin nhằm đáp ứng kỳ vọng của họ, phục vụ cho mục tiêu phát triển bền vững của Công ty. Petro Miền Trung xác định các bên liên quan dựa vào vai trò và mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan đối với Công ty bao gồm: **Khách hàng, Cổ đông/Nhà đầu tư, Nhà cung cấp, Người lao động, Cơ quan quản lý Nhà nước, và Cộng đồng địa phương**, dựa trên "Mô hình đánh giá mức độ ảnh hưởng của các bên liên quan" bên dưới.



KỶ VỌNG CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ VẤN ĐỀ TRỌNG YẾU TRONG HĐSXKD

Căn cứ vào việc tương tác và tham vấn với các bên liên quan, Petro Miền Trung có thể xác định được các vấn đề mà họ quan tâm và kỳ vọng. Việc tham vấn cũng giúp Công ty xác định được lĩnh vực cần phải tập trung để đáp ứng sự quan tâm, kỳ vọng đó đồng thời phục vụ cho các định hướng mục tiêu chiến lược.

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
KHÁCH HÀNG	Thiết lập cơ chế duy trì mối liên hệ, đối thoại thường xuyên và định kỳ thông qua quy trình "Bán khí và chăm sóc khách hàng".	Giá khí, chất lượng dịch vụ khách hàng, cơ chế giải quyết khiếu nại.	(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.	Báo cáo của Ban Giám đốc
	Hàng năm, Công ty khảo sát ý kiến, sự hài lòng của khách hàng thông qua "Phiếu thăm dò ý kiến".	An toàn trong vận hành và vận chuyển khí hoá lỏng, môi trường.	Tài chính vững mạnh, hoạt động ổn định liên tục.	Hệ thống quản lý tích hợp AT-CL-MT Cộng đồng-Xã hội
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	Hàng quý, Công ty cũng tập hợp ý kiến phản hồi của khách hàng để trình Ban Lãnh đạo có phương án xử lý, chỉ đạo tích cực, kịp thời.	Hàng tháng, nếu thị trường nhiên liệu có biến động, Công ty sẽ gặp gỡ trực tiếp với khách hàng để đối thoại, đàm phán giá bán.	Thành tích của Công ty trên nhiều lĩnh vực: kinh tế, xã hội và môi trường.	Báo cáo của Hội đồng Quản trị
	Phản hồi và trao đổi qua đường dây nóng hoặc email.	Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường.	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư, công bố thông tin.	Báo cáo của Ban Giám đốc
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	Giao lưu văn hóa – thể thao với khách hàng.	Giải đáp thắc mắc của nhà đầu tư qua hình thức email.	(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.	Phân tích tài chính
	Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.	Tiếp nhận phản hồi qua website.		
CỔ ĐÔNG/NHÀ ĐẦU TƯ	Báo cáo thường niên, Báo cáo phân tích của công ty chứng khoán, quỹ đầu tư.	Tham gia hội thảo đầu tư do các công ty chứng khoán, quỹ đầu tư tổ chức.		
	Công bố thông tin theo quy định.			

GẮN KẾT CÁC BÊN LIÊN QUAN TRONG CHIẾN LƯỢC HOẠT ĐỘNG (2)

BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
NHÀ CUNG CẤP	<p>Petro Miền Trung còn có các nhà cung cấp khác như: cung cấp thiết bị, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ bảo trì-bảo dưỡng...</p> <p>Công ty duy trì cơ chế tiếp xúc, đàm phán về nguồn cung cấp khí cũng như giá đầu vào để đảm bảo sự ổn định liên tục của nguồn cung và hạn chế rủi ro giá khí đầu vào.</p> <p>Tìm kiếm và đánh giá chi tiết chất lượng của các nhà cung cấp trang thiết bị, dịch vụ... trong và ngoài nước để đảm bảo an toàn, hiệu quả, bền vững, dựa trên các hoạt động đầu thầu và quy chế mua sắm trang thiết bị của Công ty.</p> <p>Giao lưu văn hóa – thể thao với nhà cung cấp.</p>	<p>Giá bán khí đầu vào và các sản phẩm, dịch vụ khác.</p> <p>Khả năng thanh toán hợp đồng cung cấp.</p> <p>Hoạt động sản xuất kinh doanh an toàn, hiệu quả bền vững.</p>	<p>(1) Bao phủ thị trường khí hoá lỏng toàn quốc; và nhanh chóng chiếm lĩnh thị phần khí hoá lỏng.</p> <p>(2) Nâng cao năng lực sản xuất, tồn chứa khí hoá lỏng.</p> <p>(3)&(4) Hoàn thiện chuỗi vận chuyển, phân phối, vận hành/ Tiên phong công nghệ tồn chứa, vận chuyển, phân phối khí hoá lỏng.</p>	<p>Báo cáo của Ban Giám đốc</p> <p>Phân tích tài chính</p> <p>Quản trị rủi ro</p>
	NGƯỜI LAO ĐỘNG	<p>Đánh giá thành tích của các đợt bổ nhiệm và xem xét lương.</p> <p>Hoạt động của Công đoàn và Đoàn thanh niên Công ty.</p> <p>Hội nghị Người lao động được tổ chức hằng năm.</p> <p>"Đối thoại định kỳ tại nơi làm việc" theo Quy chế dân chủ mà Công ty đã ban hành.</p>	<p>Chế độ đãi ngộ như quyền lợi lương thưởng, bảo hiểm, an toàn nghề nghiệp, đào tạo...</p> <p>Môi trường làm việc và cơ hội thăng tiến.</p> <p>Thành tích và uy tín của Công ty về kinh tế, môi trường, xã hội.</p>	<p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>





BÊN LIÊN QUAN	KÊNH THAM VẤN	MỐI QUAN TÂM VÀ KỶ VỌNG	GẮN KẾT VỚI MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC	NỘI DUNG TRONG BCTN
CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC	<p>Tham gia các Hội nghị, Hội thảo do các cơ quan trung ương, sở ban ngành tổ chức.</p> <p>Thường xuyên cập nhật các văn bản pháp luật để thay đổi cho phù hợp với những quy định mới, đảm bảo sự tuân thủ, đặc biệt trong lĩnh vực an toàn.</p> <p>Tham gia đóng góp vào quy hoạch phát triển chung của ngành Dầu khí.</p>	<p>Tuân thủ các quy định pháp luật trong các lĩnh vực an toàn, bảo vệ môi trường và các quy định đặc thù của ngành Dầu khí.</p> <p>Đảm bảo môi trường làm việc, an toàn lao động cho CBCNV và cộng đồng địa phương.</p> <p>Tuân thủ các nghĩa vụ tài chính, nghĩa vụ thuế.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p> <p>(5) Xây dựng thương hiệu Petro miền Trung và văn hóa doanh nghiệp.</p>	<p>Trách nhiệm với môi trường</p> <p>Cộng đồng-Xã hội</p> <p>Tăng trưởng kinh tế bền vững</p>
	CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	<p>Phối hợp với chính quyền địa phương nơi đặt trụ sở văn phòng, nhà máy, chi nhánh để tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng của người dân địa phương.</p> <p>Gặp mặt trực tiếp để trao đổi các vấn đề phát sinh.</p>	<p>Đảm bảo tuân thủ pháp luật về môi trường, an toàn trong sản xuất kinh doanh.</p> <p>Đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng địa phương.</p>	<p>(6) Bảo vệ môi trường, chung tay xây dựng xã hội và cộng đồng.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (1)

QUY TRÌNH QUẢN TRỊ RỦI RO



XÁC ĐỊNH BỐI CẢNH CỦA TỔ CHỨC/ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH:

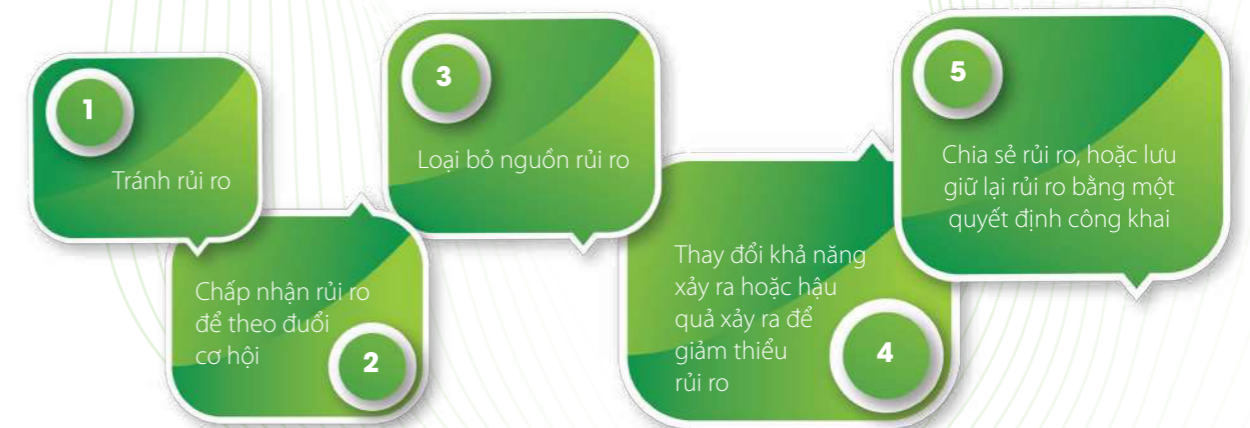
-  Xác định mục đích, định hướng chiến lược và kết quả đầu ra mong muốn của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.
-  Xác định các vấn đề bên ngoài có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh: chính trị, pháp luật, môi trường kinh tế vĩ mô, tài chính, công nghệ, cạnh tranh, điều kiện môi trường như khí hậu, chất lượng không khí, chất lượng nước, ô nhiễm...
-  Các vấn đề bên trong gồm: giá trị, kiến thức văn hóa, nguồn lực, quá trình hoạt động của tổ chức
-  Nhu cầu và mong đợi của các bên liên quan về hệ thống quản lý chất lượng, môi trường và an toàn sức khỏe nghề nghiệp

ĐÁNH GIÁ RỦI RO:

- ★ Phân loại rủi ro dựa trên bản chất rủi ro và phạm vi tác động tiềm năng
- ★ Phân tích, đánh giá rủi ro và cơ hội nhằm xác định kết quả mong đợi, sự không chắc chắn ảnh hưởng đến kết quả mong đợi từ các vấn đề bên trong, bên ngoài đã được xác định. Từ đó xác định cơ hội đạt được sau khi kiểm soát rủi ro.
- ★ Phân tích các rủi ro dựa trên 2 tiêu chí là khả năng xảy ra và hậu quả xảy ra, cũng như xem xét hiệu lực của biện pháp kiểm soát hiện hành thông qua các dữ liệu thống kê trong quá khứ. Từ đó, đưa ra đánh giá mức độ rủi ro cao, thấp, trung bình.

HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO:

- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá là thấp và trung bình: duy trì các biện pháp kiểm soát rủi ro hiện hành.
- ★ Đối với các rủi ro được đánh giá cao: cần hành động giải quyết rủi ro và cơ hội, thực hiện các biện pháp kiểm soát bổ sung.
- ★ Phân công người chịu trách nhiệm thực hiện các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Phổ biến và tổ chức thực hiện hành động giải quyết rủi ro và cơ hội.
- ★ Hành động giải quyết rủi ro và cơ hội:



ĐÁNH GIÁ TÍNH HIỆU LỰC HÀNH ĐỘNG GIẢI QUYẾT RỦI RO VÀ CƠ HỘI:

- Đánh giá mức độ tuân thủ các biện pháp đã hoạch định.
- Đánh giá mức độ đạt được kết quả dự kiến.
- Các đơn vị đánh giá tính hiệu lực của các hành động giải quyết rủi ro và cơ hội định kỳ 6 tháng/ lần đối với các rủi ro cao, và báo cáo kết quả về BGD Công ty.

RÀ SOÁT VÀ CẬP NHẬT:

Theo dõi, rà soát, và cập nhật bằng xác định rủi ro và cơ hội từ bối cảnh của công ty định kỳ hàng năm.

Nếu có bất kỳ sự thay đổi nào trong bối cảnh của tổ chức (vấn đề bên trong, bên ngoài, nhu cầu mong đợi các bên liên quan) cần phải rà soát và cập nhật bằng xác định rủi ro và cơ hội nhằm đảm bảo hiệu quả hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, và an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

Ngoài ra, khi có sự thay đổi, hoặc phát sinh các khía cạnh môi trường có ý nghĩa, cũng cần rà soát và cập nhật các rủi ro liên quan an toàn sức khỏe nghề nghiệp.

QUẢN TRỊ RỦI RO (2)

PHÂN LOẠI RỦI RO

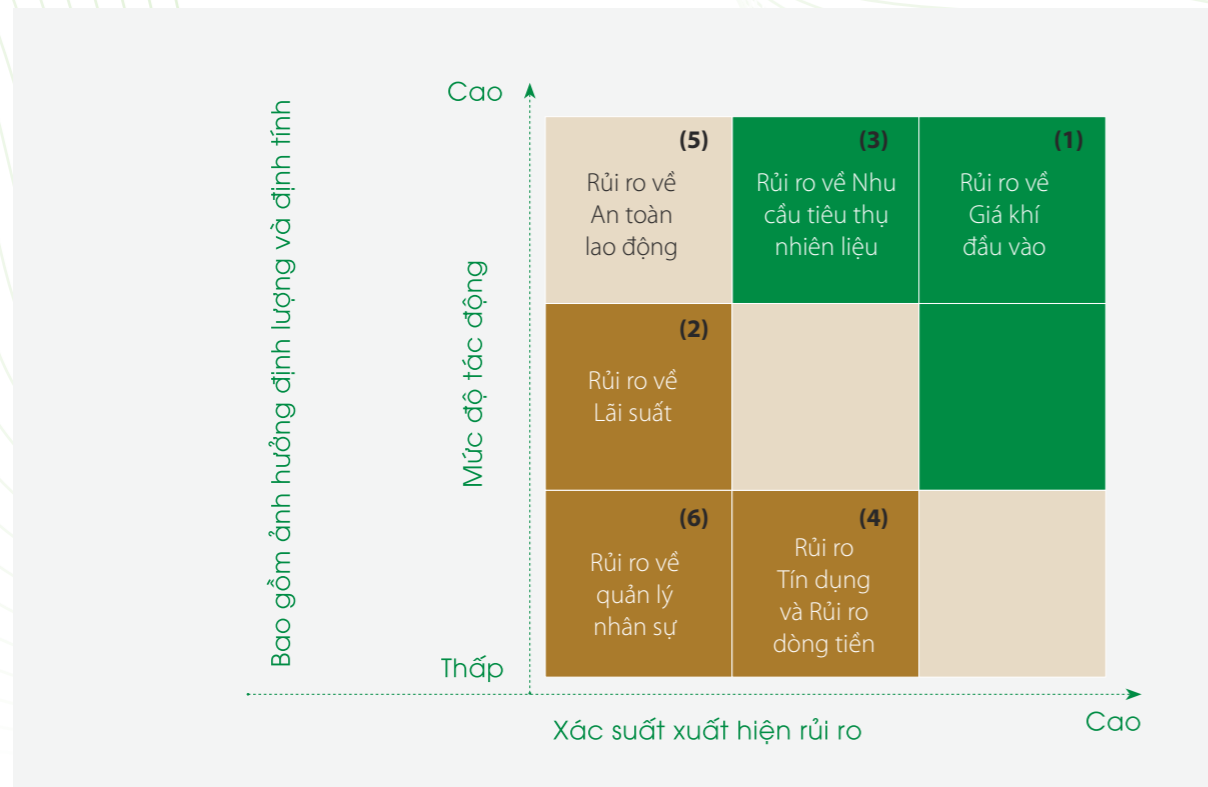
STT	RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
1	GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO	Hiệu quả kinh doanh Kế hoạch kinh doanh trung hạn	Petro Miền Trung hoạt động trong lĩnh vực phân phối khí hoá lỏng. Lợi nhuận thu được phụ thuộc rất lớn vào chênh lệch giá đầu ra và đầu vào của sản phẩm. Cơ chế giá khí đầu vào của Công ty được áp dụng dần theo cơ chế thả nổi của giá dầu thế giới. Do vậy, sự biến động mạnh của giá dầu thế giới sẽ gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2	RỦI RO VỀ LÃI SUẤT	Khẩu vị rủi ro và khả năng chịu đựng rủi ro Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay của Công ty. Khi mặt bằng lãi vay tăng cao, chi phí tài chính sẽ tạo áp lực lớn đối với lợi nhuận của Công ty. Thêm vào đó, lãi suất tăng cao sẽ thu hẹp các lựa chọn huy động vốn cho các dự án đầu tư của Công ty trong tương lai.
3	RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn Hiệu quả kinh doanh	Thị trường tiêu thụ khí của Công ty chủ yếu là các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp và các doanh nghiệp hoạt động trong ngành thực phẩm. Đây đều là các ngành chịu ảnh hưởng mạnh từ xu hướng chung của nền kinh tế. Do đó khi nền kinh tế tăng trưởng chậm lại, ngành công nghiệp thu hẹp sản xuất, thị trường bất động sản trầm lắng, người dân hạn chế chi tiêu, nhu cầu đối với sản phẩm khí hoá lỏng sẽ bị suy giảm và ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng của Công ty. Thêm vào đó, khí thiên nhiên là sản phẩm năng lượng có sự đa dạng trong sản phẩm thay thế. Khi giá khí biến động mạnh, giá các loại nhiên liệu thay thế thấp hơn khoảng 25% giá khí hoá lỏng sẽ khiến nhiều khách hàng của Công ty có xu hướng chuyển sang sử dụng các nhiên liệu thay thế khác. Vì vậy, rủi ro về nhu cầu tiêu thụ nhiên liệu là một yếu tố trọng yếu mà Công ty luôn cần chú trọng.



STT	RỦI RO	PHẠM VI TÁC ĐỘNG TIỀM NĂNG	BẢN CHẤT RỦI RO
4	RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN	Hiệu quả kinh doanh	Rủi ro tín dụng xuất phát từ nghĩa vụ thanh toán của đối tác. Nếu đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ nợ trong hợp đồng sẽ gây nên tổn thất tài chính cho Công ty. Do đó, khoản phải thu là một trong những rủi ro lớn mà Công ty phải thường xuyên đối diện. Khoản phải thu khó thu hồi sẽ đặt Công ty vào khả năng bị chiếm dụng vốn, gây thất thoát nguồn vốn của Công ty. Rủi ro về dòng tiền diễn ra khi Công ty gặp khó khăn trong việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính, không nắm bắt các cơ hội đầu tư quan trọng khi không có đủ nguồn vốn cần thiết. Đây là vấn đề liên quan đến việc quản trị tài sản và nguồn vốn lưu động. Các khoản nợ xấu phát sinh từ công nợ khách hàng kéo dài, không có khả năng thanh toán bắt buộc Công ty phải trích lập dự phòng, làm giảm lợi nhuận và hao hụt dòng tiền.
5	RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Danh tiếng của Công ty	Với đặc thù sản xuất cung cấp các sản phẩm năng lượng Dầu khí, sử dụng nhiều nhân lực và phương tiện hoạt động, môi trường kinh doanh của khí hoá lỏng luôn tiềm ẩn nguy cơ cháy nổ cao, nguy cơ xảy ra thiệt hại lao động cho con người, sự cố hư hỏng thiệt hại tài sản có giá trị lớn, sự cố rò rỉ khí và thậm chí là các sự cố ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường thiên nhiên. Một khi sự cố xảy ra, hậu quả sẽ đặc biệt nghiêm trọng. Đối với Công ty, những rủi ro này sẽ gây tổn thất lớn về tài sản, con người, tiến độ các dự án, uy tín của Công ty đối với người lao động và khách hàng. Đối với người lao động, thiệt hại về tính mạng, tâm lý bị ảnh hưởng tiêu cực, suy giảm hiệu suất lao động là điều không thể tránh khỏi. Những rủi ro này khi xảy ra sẽ khiến Công ty mất nhiều thời gian để khắc phục và phục hồi nguồn lực trở lại nguyên trạng ban đầu.
6	RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ	Kế hoạch kinh doanh trung hạn Mục tiêu chiến lược dài hạn	Với quan điểm con người là hạt nhân của sự thành công của doanh nghiệp, rủi ro trong quá trình quản trị nguồn nhân lực luôn là vấn đề được Công ty quan tâm. Với hoạt động chính là sản xuất và chiết nạp khí thiên nhiên, nguồn nhân lực Công ty luôn đòi hỏi sự đào tạo bài bản. Nhân viên luôn được đòi hỏi cao về kỹ thuật và trình độ chuyên môn trong việc vận hành các hệ thống máy nén khí, trạm giảm áp, các trang thiết bị máy móc kỹ thuật chuyên dụng. Việc quản trị kém hiệu quả sẽ dẫn đến thiếu hụt nhân lực có trình độ cao, mất đoàn kết nội bộ, vận hành không hiệu quả. Trong môi trường kinh doanh nhiều biến động, sự ổn định của nguồn nhân lực chất lượng càng trở thành vấn đề thách thức đối với Công ty.

QUẢN TRỊ RỦI RO (3)

MA TRẬN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA CÁC RỦI RO LÊN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA PETRO MIỀN TRUNG



QUẢN TRỊ RỦI RO THEO CẤP

HĐQT chịu trách nhiệm định hướng chiến lược và quản lý công ty, gắn liền quản trị rủi ro với chiến lược phát triển. Ngoài ra, HĐQT còn chịu trách nhiệm thiết lập các nguyên tắc, khung quản trị rủi ro, và chịu trách nhiệm tổng thể về quản trị rủi ro cũng như quản trị rủi ro một cách hiệu quả. Để bảo đảm tính hiệu quả của khung quản lý rủi ro, các bộ phận chức năng có liên quan được thiết lập đầy đủ và hiệu quả trong công ty bao gồm các bộ phận giám sát và bảo đảm. Mô hình “**ba tuyến phòng vệ**” là phương thức để giải thích mối quan hệ giữa những bộ phận này cũng như để chỉ dẫn cách thức phân chia trách nhiệm:

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ NHẤT:

Các phòng ban thực hiện quản trị đối với các rủi ro liên quan trực tiếp đến chức năng, lĩnh vực của mình. Định kỳ đánh giá và báo cáo với BGD về hoạt động quản trị rủi ro

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ HAI:

BGD có trách nhiệm triển khai, giám sát và đánh giá quá trình thực hiện quản trị rủi ro. Đảm bảo các quy trình quản trị tuân thủ tiêu chuẩn liên quan, tạo lợi ích cho cổ đông và công ty.

TUYẾN PHÒNG VỆ THỨ BA:

Ban kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực trong quản lý điều hành, nhằm phát hiện rủi ro tiềm ẩn hoặc thiếu sót; từ đó góp ý về việc áp dụng các biện pháp hạn chế rủi ro.

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO

RỦI RO	BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO
<p>GIÁ KHÍ ĐẦU VÀO</p>	<p>Mục tiêu quản trị rủi ro chi phí đầu vào nhận được sự chú trọng thông qua hoạt động thu mua nhiên liệu theo dự báo về tình hình giá dầu thế giới. Với hệ thống kho chứa lớn giúp Công ty có thể đạt mức chiết khấu giá đầu vào tốt hơn.</p> <p>Công ty liên tục theo sát diễn biến và tiến hành dự báo giá dầu thế giới để có những điều chỉnh phù hợp trong giá bán. Đối với giá khí đầu ra, Công ty ưu tiên đàm phán với khách hàng theo các hợp đồng với thời hạn ngắn (từng tháng) nhằm giảm thiểu tác động từ sự biến động của giá dầu lên biên lợi nhuận, qua đó gia tăng hiệu quả kinh doanh cho cả khách hàng và Công ty.</p> <p>Công ty đẩy mạnh phát triển thị trường để tăng sản lượng, thực hiện các hợp đồng có điều khoản điều chỉnh linh hoạt giá bán khi có sự biến động lớn của giá nguyên liệu. Thực hiện các chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường tại từng thời điểm, từng đối tượng khách hàng và từng khu vực.</p> <p>Thắt chặt mối quan hệ với nhà cung cấp thông qua việc xây dựng uy tín bằng thực hiện tốt các nghĩa vụ thanh toán và các yêu cầu liên quan.</p> <p>Xây dựng kế hoạch ngân sách, giám sát chặt chẽ chi phí hoạt động, chi phí bảo trì mua sắm... đảm bảo các chi phí tuân theo tiến trình ngân sách được hoạch định. Ngoài những chỉ tiêu cần thiết nhằm phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh thì Công ty luôn hạn chế ở mức tối thiểu các chi phí khác nhằm đạt lợi nhuận cao nhất.</p>
<p>RỦI RO VỀ LÃI SUẤT</p>	<p>Công ty tiến hành phân tích và xây dựng cơ cấu nguồn vốn hợp lý phù hợp với hoạt động sản xuất công ty. Công ty xây dựng nguồn vốn tự có thông qua hoạt động kinh doanh hiệu quả để tài trợ hoạt động.</p> <p>Thực hiện khảo sát, tiếp cận với các phương án vốn khác nhau nhằm lựa chọn nguồn vốn với chi phí rẻ nhất. Thực hiện các biện pháp cần thiết nhằm phòng hộ rủi ro biến động lãi suất và duy trì hợp lý mức rủi ro trong biên độ cho phép.</p> <p>Công ty phân tích các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư để chi phí sử dụng vốn ở mức thấp nhất nhưng vẫn đảm bảo cấu trúc tài chính an toàn.</p>
<p>RỦI RO VỀ NHU CẦU TIÊU THỤ NHIÊN LIỆU</p>	<p>Công ty luôn quan tâm đến việc thắt chặt mối quan hệ với khách hàng hiện có. Nỗ lực đa dạng hóa mạng lưới cung cấp sản phẩm bằng cách tăng cường tìm kiếm các khách hàng mới thông qua các hợp đồng và thỏa thuận bán khí đảm bảo lợi ích cho cả hai bên.</p> <p>Công ty luôn chủ động quảng bá hình ảnh, tăng cường tiếp thị quảng cáo lợi ích khi sử dụng các sản phẩm CNG nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ. Bên cạnh đó là duy trì khả năng cạnh tranh trong môi trường kinh doanh hiện tại.</p> <p>Đa dạng hóa lĩnh vực tiêu thụ trong mạng lưới khách hàng. Cụ thể, Petro Miền Trung luôn tìm kiếm các khách hàng mới trên mọi lĩnh vực, ngành nghề kinh doanh cũng như khu vực kinh doanh để giảm bớt những rủi ro đến từ sự tập trung với mật độ cao ở một số ngành nghề nhất định như hiện tại.</p> <p>Công ty luôn thực hiện công tác cập nhật thông tin, dự báo nhu cầu tiêu thụ của thị trường để có bức tranh tổng quan và chính xác nhất về doanh thu, lợi nhuận.</p> <p>Việc lập ngân sách, các kế hoạch đầu tư, sử dụng nguồn vốn, thời điểm đầu tư cũng được xây dựng linh hoạt dựa trên những dự báo để tránh những hoạt động đầu tư không hiệu quả hoặc bỏ qua các cơ hội đầu tư tiềm năng.</p> <p>Công ty phân loại khách hàng để có kế hoạch cung ứng phù hợp, hiệu quả.</p>

QUẢN TRỊ RỦI RO (4)

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI RỦI RO (tiếp theo)



RỦI RO

BIỆN PHÁP QUẢN TRỊ RỦI RO



RỦI RO TÍN DỤNG VÀ RỦI RO DÒNG TIỀN

Công ty thường xuyên tiến hành các hoạt động kiểm soát công nợ như phân tích về tuổi nợ, ngày thu nợ. Thẩm định sức khỏe tài chính của khách hàng trước khi ký kết hợp đồng. Thực hiện chính sách tín dụng đối với từng nhóm khách hàng cụ thể, theo sức khỏe tài chính, khu vực và loại hình kinh doanh. Thường xuyên theo dõi để đánh giá chính xác những rủi ro tín dụng tiềm ẩn có thể phát sinh.

Bên cạnh đó, Công ty luôn tạo chiều sâu trong mối liên hệ hợp tác với khách hàng nhằm hiểu rõ về tình trạng tài chính, uy tín giao dịch của từng khách hàng định kỳ. Bên cạnh đó, Công ty cũng chia sẻ khó khăn với khách hàng thông qua việc nói lòng về thời gian trả chậm nhưng vẫn kiểm soát chặt chẽ khoản phải thu.

Với công tác quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng và các đối tác. Các khoản phải thu đến từ các khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Đối với các khoản phải thu có nhiều rủi ro, Công ty trích lập dự phòng hợp lý. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Dù kiểm soát chặt chẽ rủi ro tín dụng nhưng Công ty vẫn duy trì sự linh hoạt tối thiểu nhằm đạt sự hài hòa với khả năng đạt được các mục tiêu tăng trưởng đề ra của Công ty.

Song hành cùng những nỗ lực quản trị rủi ro dòng tiền từ vốn luân chuyển, sự cân đối dòng tiền thuần cũng là một nhân tố quan trọng nhằm đạt sự cân bằng giữa hoạt động đầu tư xây dựng mà không ảnh hưởng đến cấu trúc nguồn vốn của Công ty.



RỦI RO VỀ AN TOÀN LAO ĐỘNG

Với đặc thù phân phối năng lượng, công tác đảm bảo an toàn lao động trong quá trình hoạt động luôn được đặt lên hàng đầu. Các hoạt động vận hành luôn được giám sát chặt chẽ và tuân theo quy trình nhất định.

Petro Miền Trung hoàn thành việc nâng cấp hệ thống quản lý An toàn – Chất lượng – Môi trường (ATCLMT) theo các tiêu chuẩn ISO, được Viện Tiêu chuẩn Anh (BSI) Việt Nam đánh giá công nhận. Bên cạnh đó, quy trình quản trị rủi ro được liên tục cải tiến phù hợp với những thay đổi trong điều kiện sản xuất. Từ lúc vận hành đến nay, Công ty chưa để xảy ra bất kỳ một sự cố nghiêm trọng nào, đây là điều đáng tự hào của một doanh nghiệp kinh doanh trong ngành khí.

Người lao động được đào tạo bài bản trước khi vận hành, công tác bảo hộ lao động đặc biệt được chú trọng. Công ty thường xuyên tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện về phòng cháy chữa cháy nhằm xây dựng văn hóa lao động an toàn, nâng cao ý thức và đào tạo những kỹ năng cần thiết đối với các trường hợp bất ngờ xảy ra.

Nhà máy và các máy móc thiết bị luôn có kế hoạch bảo trì, sửa chữa định kỳ và luôn được duy trì trong trạng thái vận hành tốt nhất và an toàn nhất. Công ty sử dụng công cụ, phần mềm quản lý công tác kiểm tra bảo dưỡng trang thiết bị, máy móc, phương tiện nhằm đảm bảo tình trạng an toàn kỹ thuật và tối ưu hóa chất lượng cho sản phẩm.

Công ty tiến hành mua bảo hiểm con người (bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm sinh mạng cá nhân, bảo hiểm trợ cấp nằm viện, phẫu thuật) cho người lao động. Cùng với đó là các chính sách mua bảo hiểm cho tài sản hoạt động nhằm giúp giảm bớt thiệt hại cho Công ty nếu có rủi ro tai nạn xảy ra.



RỦI RO VỀ QUẢN LÝ NHÂN SỰ

Công ty luôn cân bằng giữa lợi ích của người lao động và lợi ích chung của Công ty trong việc quản trị nguồn nhân lực.

Lao động được tuyển dụng, điều chuyển hợp lý, đảm bảo đầy đủ nguồn nhân lực trong quá trình vận hành. Công ty đảm bảo lương, thưởng và quy trình đánh giá năng lực diễn ra công bằng, minh bạch theo quy chế Công ty và quy định của pháp luật. Công ty luôn chăm lo đời sống vật chất và tinh thần, tạo điều kiện phát triển tốt nhất cho đội ngũ CBCNV của Công ty. Bên cạnh đó, với sự hồi phục của thị trường dầu khí và triển vọng khả quan của nền kinh tế, đây cũng là cơ hội để Công ty có thể tìm kiếm và bổ sung nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai.

CBCNV thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng, trau dồi, nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ và tay nghề nhằm nâng cao năng lực.

NGUỒN NHÂN LỰC

NGƯỜI LAO ĐỘNG

LÀ NGƯỜI TRỰC TIẾP TẠO RA
GIÁ TRỊ CHO CÔNG TY,
VÀ LÀ MỘT TRONG NHỮNG
BỀN LIÊN QUAN QUAN TRỌNG

**CHO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG
CỦA PETRO MIỀN TRUNG.**

SỐ LƯỢNG
CBNV NĂM 2021

361
NGƯỜI

VIỆC LÀM

Với đặc thù doanh nghiệp ngành khí thì lao động nam chiếm đa số trong đội ngũ lao động, Petro Miền Trung đã nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong công ty. Trong năm 2021, tổng số lao động nữ là 53 người, chiếm 15% tổng số lao động, tỷ lệ lao động nữ trong ban lãnh đạo lần lượt là 5%.

MỨC LƯƠNG TRUNG
BÌNH CỦA CBNV
NĂM 2021

11
TRIỆU ĐỒNG

Ngoài việc nỗ lực cân đối tỷ lệ giới tính trong đội ngũ nhân sự, Petro Miền Trung cũng nỗ lực trong việc xây dựng một đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao nhằm đáp ứng tốt nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh hiện tại cũng như phát triển trong tương lai của công ty. Trong năm 2021, tỷ lệ lao động có trình độ đại học và trên đại học là 14%, trình độ cao đẳng và trung cấp là 8%.

Với mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân sự chất lượng cao thì cơ cấu lao động theo độ tuổi cũng là yếu tố cần phải quan tâm. Lao động từ 30-50 tuổi hiện đang chiếm tỷ trọng cao trong lực lượng lao động chiếm 69%. Lao động trẻ dưới 30 tuổi chiếm 17%, và lao động trên 50 tuổi chiếm 14%.



ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG VÀ XÃ HỘI

Ban lãnh đạo Công ty luôn tự thấy trách nhiệm của Công ty, của cá nhân mỗi cán bộ nhân viên đối với sự phát triển của cộng đồng. Ngoài việc đóng góp cho ngân sách địa phương, Ban lãnh đạo thường xuyên hướng ứng các chương trình do chính quyền các cấp phát động, và khuyến khích sự tham gia của toàn thể CBNV.

Trong năm, Petro Miền Trung cùng với toàn thể CBNV trong toàn hệ thống đã tham gia quyên góp và ủng hộ người dân chịu ảnh hưởng của dịch bệnh với số tiền hơn 200 triệu đồng.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (1)



Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự buổi họp	Lý do không tham dự
Ông Nguyễn Tiến Lãng	03	100%	Không
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	03	100%	Không
Ông Lê Tấn Cẩn	03	100%	Không
Ông SATO RYOICHI	02	100%	Không

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.

Hội đồng quản trị đã thực hiện việc kiểm tra, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và ban điều hành trong việc điều hành sản xuất kinh doanh và triển khai Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị năm 2021.

Hội đồng quản trị thường xuyên trao đổi, thảo luận tại các cuộc họp định kỳ với Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và việc triển khai các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và triển khai các mục tiêu đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt

Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng ban nhằm thực hiện công tác giám sát ở các khía cạnh sau :

- Giám sát tình hình tài chính : Xem xét, phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính kết hợp trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt soát xét báo cáo tài chính bán niên và báo cáo tài chính năm để kịp thời đánh giá kết quả soát xét trước khi Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung phát hành báo cáo ra công chúng.
- Giám sát tính tuân thủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh : Hội đồng quản trị đã chỉ đạo và theo dõi chặt chẽ tính hiệu quả và tuân thủ của Công ty Cổ phần đầu tư và sản xuất Petro Miền Trung trong các quy trình sản xuất kinh doanh chính.
- Giám sát việc triển khai quản trị rủi ro

Hội đồng quản trị giám sát Tổng Giám đốc và ban điều hành thông qua : chiến lược, chính sách, quy trình, các ưu tiên, kết quả thực hiện mục tiêu, quản lý rủi ro.

Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc được thực hiện theo đúng quy định theo điều lệ của công ty. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị chỉ đạo Tổng giám đốc điều phù hợp với phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Chủ tịch hội đồng quản trị trong các văn bản liên quan.

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Trong năm, HĐQT đã họp 03 phiên cụ thể như sau:



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (2)

CÁC NGHỊ QUYẾT/QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/03/2021/NQ-HĐQT	03/03/2021	Nghị quyết triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
2	01/06/2021/NQ-HĐQT	17/06/2021	Nghị quyết HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021	100%
3	01/11/2021/NQ-HĐQT	17/11/2021	Nghị quyết HĐQT về việc Chuyển nhượng cổ phần của Công ty cổ phần gas Miền Trung tại Công ty TNHH MTV Bán Lẻ Gas Miền Trung	100%

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP



Trong năm 2021, thành viên HĐQT độc lập tiếp tục duy trì tương tác tích cực với HĐQT và Ban Điều hành, kịp thời thảo luận, tư vấn và đưa ra những giải pháp định hướng kịp thời, góp phần ứng phó với những diễn biến phức tạp của thị trường dầu khí trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19. Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp trong năm của HĐQT, và góp phần hoàn thiện các chính sách, công tác điều hành... bằng các kinh nghiệm và kiến thức chuyên môn của mình thông qua việc đóng góp ý kiến tại các buổi họp.

Đội ngũ lãnh đạo và điều hành đã làm việc tận tụy và chuyên nghiệp, cũng như phối hợp với nhau một cách nhịp nhàng vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông để đạt được kết quả kinh doanh cao nhất trong bối cảnh thị trường dầu khí thế giới diễn biến khó lường. HĐQT đã không ngừng cập nhật, cải thiện hoạt động của mình nhằm hướng đến các chuẩn mực quốc tế về Quản trị công ty.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN KIỂM SOÁT

CÁC NHIỆM VỤ ĐÃ ĐƯỢC BKS TRIỂN KHAI TRONG NĂM 2021

- Tham gia đầy đủ các phiên họp HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến, thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.
- Giám sát, kiểm tra việc quyết toán vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư của công trình.
- Xem xét, thẩm định báo cáo tài chính Quý, soát xét 6 tháng và năm của Công ty.

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

1 Về thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT, Ban Giám đốc

HĐQT, Ban Giám đốc đã thực thi đúng quyền hạn và nghĩa vụ với tinh thần trách nhiệm cao, vì lợi ích hợp pháp của Công ty và cổ đông. HĐQT đã bám sát các mục tiêu, định hướng ĐHCĐ quyết nghị để triển khai các nhiệm vụ cụ thể. Ban Giám đốc căn cứ nghị quyết, quyết định của HĐQT triển khai nhiệm vụ một cách kịp thời và có những ứng xử linh hoạt để đạt được kết quả tốt nhất.

Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện các biện pháp bảo toàn vốn, công tác thu hồi công nợ được quan tâm sâu sát, sử dụng nhiều biện pháp để thu hồi, thực hiện trích lập quỹ dự phòng tài chính đầy đủ, đúng quy định.

2 Về việc tuân thủ các qui định của pháp luật trong quản lý, điều hành

Công tác đầu tư: Đầu tư tài sản cố định của Công ty đã thực hiện đúng Điều lệ. Công tác đầu tư xây dựng được thực hiện tuân thủ đúng các quy định của Luật đầu thầu, các quy định về quản lý chất lượng, quản lý chi phí xây dựng công trình.

Chế độ báo cáo: Công ty đã chấp hành tốt quy định về công bố thông tin đối với công ty niêm yết. Báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, báo cáo thường niên, báo cáo về giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ, mua bán cổ phiếu quỹ, tạm ứng cổ tức, thay đổi, bổ sung nhân sự cấp cao... được công bố kịp thời, đăng tải đầy đủ trên website Công ty, tạo điều kiện cung cấp thông tin chính thống cho cổ đông, nhà đầu tư.

3 Việc ban hành các qui chế, qui định nội bộ

Được thực hiện chặt chẽ, cẩn trọng trên cơ sở thực tiễn doanh nghiệp và phù hợp với qui định của pháp luật. Thông qua các ý kiến đóng góp vào dự thảo đã phát huy được trí tuệ tập thể, do đó các qui định khi ban hành có tính khả thi cao, thực sự là công cụ hữu hiệu phục vụ công tác quản lý, điều hành.

SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT, BGD VÀ CÁC BỘ PHẬN QUẢN LÝ KHÁC:

BKS luôn phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ HĐQT, BGD trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

BKS phối hợp với HĐQT trong việc cải thiện quy trình quản trị rủi ro và hệ thống kiểm soát nội bộ.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát hiện tại có 03 thành viên. Với kiến thức và kinh nghiệm lâu năm trong lĩnh vực tài chính, các thành viên Ban Kiểm soát luôn xác định được vai trò trách nhiệm thực hiện kiểm soát các hoạt động của Công ty theo qui định nhằm bảo vệ lợi ích cao nhất cho các cổ đông của Petro Miền Trung.

Trong suốt năm vừa qua, Ban Kiểm soát đã nỗ lực giám sát hoạt động kinh doanh, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những vấn đề sai phạm, sai sót nhằm đảm bảo hoạt động Công ty theo đúng qui định của pháp luật và Điều lệ cũng như thực hiện các Nghị quyết ĐHCĐ để ra hàng năm. Đồng thời, Ban Kiểm soát cũng tham gia đầy đủ các phiên họp của HĐQT, kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động của Công ty, tích cực tham gia đóng góp ý kiến cũng như thường xuyên có những kiến nghị kịp thời nhằm hoàn thiện chính sách, quy trình, quy chế, nâng cao năng lực quản trị điều hành và ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động của Công ty.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (1)

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

DOANH THU NĂM 2021
1.566
 tỷ đồng
 tăng trưởng 27.92% so với cùng kỳ

Năm 2021, giá dầu thô Brent trung bình đạt mức 70,5 USD/ thùng, tăng 66,5% so với năm 2021. Hoạt động kinh tế xã hội, giao thương tại hầu hết quốc gia khôi phục trở lại đẩy nhu cầu nhiên liệu tăng cao là nguyên nhân chính khiến giá dầu tăng mạnh. Ngoài ra còn có thể kể đến nguyên nhân quan trọng khác như tình trạng tắc nghẽn logistics do đại dịch, thiên tai khắc nghiệt.. khiến giá than và khí tăng, đẩy giá dầu tăng

Năm 2022, Chính phủ đặt mục tiêu phấn đấu mức tăng trưởng GDP đạt 6-6,5% với các chính sách kích thích kinh tế mạnh mẽ đặc biệt là đầu tư công và hỗ trợ doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh. Việt Nam đang nằm trong số các quốc gia có độ phủ vaccine cao nhất thế giới và chủ trương thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch bệnh... được xem là nền tảng quan trọng thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và nền kinh tế phục hồi nhanh.



Trong năm qua đã không có bất kỳ sự cố nghiêm trọng nào gây ảnh hưởng đến tính mạng, môi trường cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trong bối cảnh Covid-19, Công ty đã duy trì đầy đủ các biện pháp phòng chống theo khuyến cáo của Bộ Y tế, cơ quan phòng chống dịch bệnh địa phương, đảm bảo điều kiện làm việc an toàn tuyệt đối cho người lao động.

Các chủ trương về tiết kiệm, giảm chi phí, duy trì ổn định tốc độ quay vòng vốn, tính toán, cân đối nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục triển khai hiệu quả.

Các dự án đầu tư thực hiện trong năm đảm bảo về chất lượng công trình, chất lượng thiết bị, an toàn, đáp ứng nhu cầu nhận khí của khách hàng, tuân thủ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Việc tuyển dụng, sử dụng, điều chuyển lao động hợp lý, đảm bảo hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Công tác đào tạo cũng được triển khai thường xuyên nhằm nâng cao tay nghề, trình độ của nhân viên, chuẩn bị nguồn nhân lực để đáp ứng nhu cầu phát triển trong tương lai gần. Các chế độ, chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật, quy chế của Công ty luôn được thực hiện nghiêm túc, tạo việc làm và thu nhập ổn định cho CBCNV.



Nhờ những biện pháp phòng chống dịch bệnh hiệu quả của Chính phủ, thực hiện mục tiêu kép vừa phòng chống Covid-19 vừa phát triển kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh và tâm lý của người tiêu dùng đã hồi phục đáng kể trong năm 2021.



Ban Tổng Giám đốc đã luôn theo sát các biến động của thị trường dầu khí thế giới, triển vọng kinh tế vĩ mô trong nước, tình hình dịch bệnh và diễn biến hoạt động kinh doanh của Công ty để đưa ra những định hướng chỉ đạo phù hợp, linh hoạt, đảm bảo an toàn trong sản xuất kinh doanh và tận dụng mọi cơ hội có được. Với sự nỗ lực vượt bậc và đoàn kết một lòng, tập thể CBCNV Công ty đã nỗ lực tối đa, dù chưa hoàn thành các nhiệm vụ và chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021 những kết quả thực hiện vẫn là kết quả đáng ghi nhận.



Trong một năm nhiều khó khăn, Công ty tiếp tục duy trì tăng trưởng doanh thu đạt 1.566 tỷ đồng (tăng trưởng 27,92% so với cùng kỳ). Thị phần tiếp tục được củng cố. Và thu nhập của toàn bộ CBCNV vẫn được đảm bảo như giai đoạn trước đại dịch. Tạo tâm lý phấn khởi để người lao động cống hiến, phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa cho giai đoạn còn nhiều thách thức phía trước.

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (2)

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Trong năm 2021, với những khó khăn do tình hình dịch bệnh gây ra, Petro Miền Trung đã áp dụng nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng để duy trì thị phần như giảm giá bán, áp dụng chương trình khuyến mãi, linh hoạt trong việc thanh toán tiền hàng. Với chiến lược mở rộng địa bàn kinh doanh, đón đầu đà phục hồi kinh tế sau đại dịch, doanh thu năm 2021 tiếp tục tăng trưởng 27.92% yoy đạt 1.566 tỷ đồng.

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2020	2021
Doanh thu thuần	1.225	1.566
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	21	(107)
Lợi nhuận khác	18	9
Lợi nhuận trước thuế	39	(98)
Lợi nhuận sau thuế	(20)	(108)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0

Tuy nhiên, điều này cũng làm tăng chi phí cao hơn so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, Công ty luôn xác định nhân lực là yếu tố quan trọng của mỗi doanh nghiệp. Chính vì vậy, dù ảnh hưởng tiêu cực của Đại dịch tới kết quả kinh doanh nhưng Công ty vẫn giữ nguyên chế độ đãi ngộ cho người lao động, đảm bảo cuộc sống cho CBNV để họ tiếp tục gắn bó lâu dài với Công ty. Chi phí bán hàng tăng 35 tỷ đồng (+24.16% yoy) và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng mạnh do phát sinh khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi 161 tỷ đồng.

Những yếu tố trên đã khiến biên lợi nhuận cũng như kết quả kinh doanh năm 2021 ghi nhận sự sụt giảm so với cùng kỳ, ở mức âm 108 tỷ đồng. Trong năm Công ty không tiến hành chi trả cổ tức.

CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Kết quả sản xuất kinh doanh ghi nhận sự sụt giảm kéo theo các chỉ số sinh lời giảm tương ứng. Tuy nhiên, vay nợ trong năm 2021 đã được kiểm soát tốt hơn, khiến các chỉ số về khả năng thanh toán được cải thiện.

CHỈ TIÊU	Đơn vị	2020	2021
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,63	0,68
Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,58	0,62
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,47	0,62
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,89	1,64
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	35,28	32,67
Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,82	0,90
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,54	-6,90
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH (ROE)	%	0,69	-8,55
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản (ROA)	%	0,31	-3,83
Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	1,68	-6,83

Khả năng thanh toán nợ vay của Công ty vẫn còn ở mức thấp, tuy nhiên có ghi nhận sự cải thiện so với năm trước. Hệ số thanh toán ngắn hạn và nhanh lần lượt ở mức 0,68 và 0,62 lần.

Trong năm, Công ty tiếp tục mở rộng địa bàn kinh doanh, nhu cầu vốn lưu động được tài trợ bằng vay nợ thuê tài chính ngắn hạn (tăng hơn 290 tỷ đồng so với cùng kỳ), kéo theo các chỉ tiêu về cơ cấu vốn tăng lên.

Với kết quả kinh doanh không mong muốn khi ghi nhận lỗ 108 tỷ đồng, khiến các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm mạnh.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (3)

3. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2020	2021
Tài sản ngắn hạn	359,841	632,673
Tiền và các khoản tương đương tiền	84,052	77,594
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	302,656
Các khoản phải thu ngắn hạn	198,643	147,846
Hàng tồn kho	25,579	55,873
Tài sản ngắn hạn khác	51,568	48,702
Tài sản dài hạn	1.128,801	1.099,441
Phải thu dài hạn	29,595	23,924
Tài sản cố định	554,479	530,210
Bất động sản đầu tư	94,278	94,229
Tài sản dài hạn khác	448,257	448,797
Tổng cộng tài sản	1,488,642	1.732,115

Tổng tài sản của Công ty tăng 16,36% yoy chủ yếu là do sự gia tăng của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn ~302 tỷ đồng, được dùng làm tài sản đảm bảo cho hoạt động nhập khẩu nguyên liệu của Công ty. Do các biện pháp hỗ trợ khách hàng, các khoản phải thu ngắn hạn gia tăng so với cùng kỳ ~40 tỷ đồng. Cơ cấu tài sản dài hạn không có nhiều thay đổi.

Tình hình nguồn vốn

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	2020	2021
Nợ phải trả	726,672	1.078,270
Nợ ngắn hạn	602,501	936,527
Nợ dài hạn	124,170	141,742
Vốn chủ sở hữu	761,969	653,845
Tổng cộng tài sản	1.488,642	1.732,115

Trong năm, để bổ sung vốn lưu động, Công ty huy động thêm vay nợ ngắn hạn ~290 tỷ đồng. Bên cạnh đó, việc ghi nhận lợi nhuận âm trong kỳ cũng làm giảm Vốn chủ sở hữu xuống mức 653 tỷ đồng. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối ở mức âm 105 tỷ đồng.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Ngoài các công tác điều hành bình thường, để đảm bảo đạt được các mục tiêu kế hoạch, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp sau:

1

Từ kế hoạch chung của Công ty phân bổ thành các nhiệm vụ của từng phòng ban, yêu cầu các phòng ban xây dựng kế hoạch hoạt động giao từng cá nhân và các giải pháp giám sát thực hiện các công việc. Trên cơ sở kế hoạch được giao, đánh giá mức độ hoàn thành, gắn vào việc trả lương thưởng theo kế hoạch được duyệt.

2

Điều chỉnh chính sách bán hàng để tạo sự đồng thuận và ủng hộ từ khách hàng, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho khách hàng hoàn thành doanh số.

3

Đổi mới hoạt động Marketing nâng cao tính chuyên nghiệp, áp dụng Marketing số, đa dạng các hình thức, tập trung vào các hoạt động marketing tại điểm bán. Chi phí marketing gắn với tăng trưởng doanh thu.

4

Quy định hạn mức chi phí, yêu cầu xây dựng giải pháp thực hiện hạn mức bao gồm cả giải pháp kiểm soát, giao trách nhiệm cho các bộ phận, trong toàn bộ hoạt động doanh nghiệp.

KẾ HOẠCH KINH DOANH 2022

CHỈ TIÊU (tỷ đồng)	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2021
1. Doanh thu thuần hợp nhất	1.970	1.566
2. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	33	(98)
3. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	12	(108)

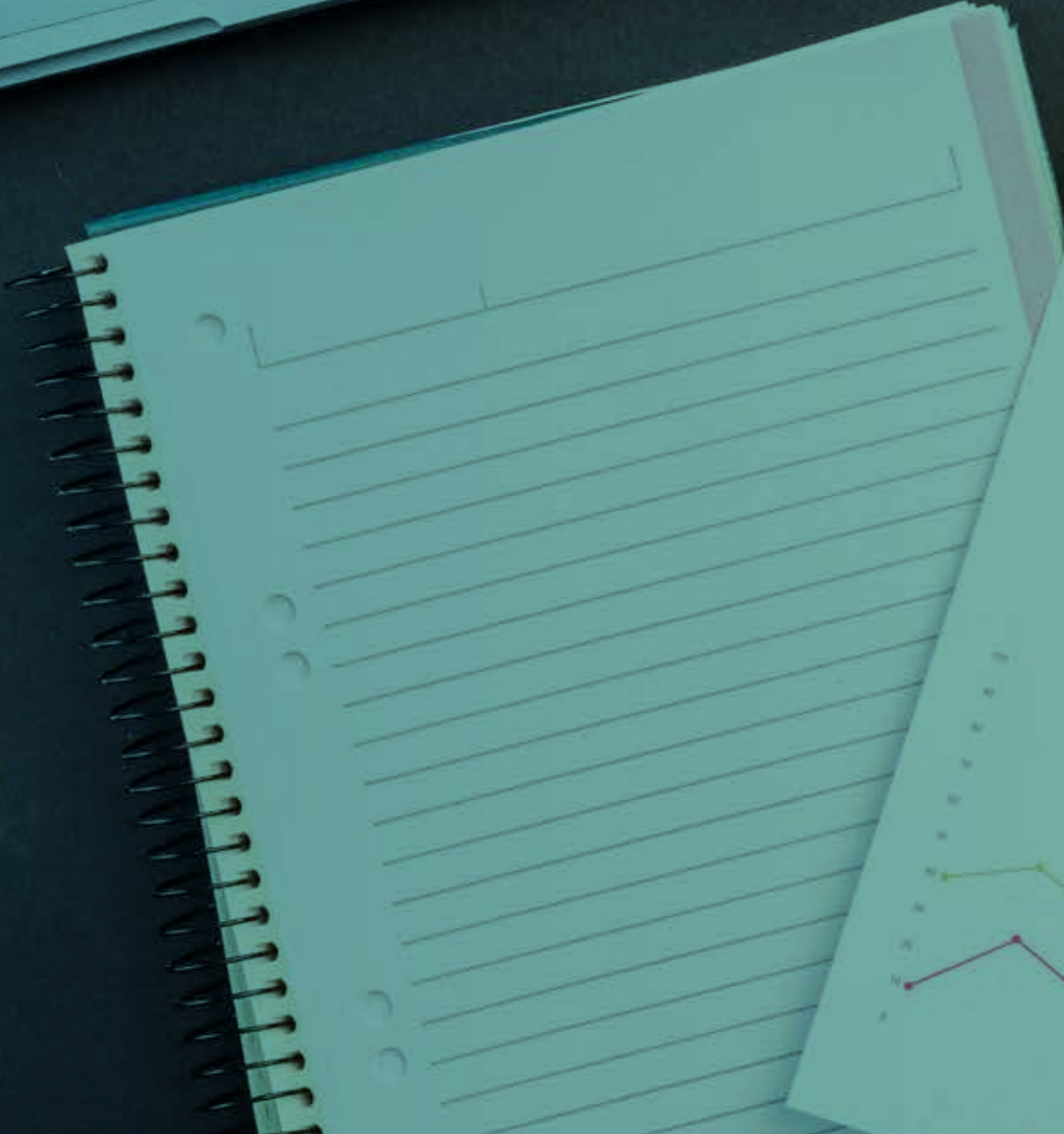
Hiện tại, việc tái cấu trúc hệ thống sản xuất kinh doanh của Công ty đã gần hoàn thiện. Chiến lược kinh doanh trong giai đoạn sắp tới được xây dựng linh hoạt, phù hợp với điều kiện bình thường mới sau đại dịch.

Bên cạnh đó, đối tác chiến lược Lemon Gas Co., Ltd là doanh nghiệp năng lượng hàng đầu Nhật Bản đã chính thức trở thành cổ đông lớn vào tháng 04/2021. Với tiềm lực tài chính vững mạnh, công nghệ tiên tiến cũng như kinh nghiệm trong quản trị điều hành, Lemon Gas sẽ giúp Petro Miền Trung phát triển bền vững trong dài hạn.

Ngoài ra, tính đến cuối Quý I/2022, dịch bệnh Covid đã được kiểm soát trên toàn quốc, các biện pháp kích thích kinh tế của Chính phủ đang được triển khai đồng bộ. Điều này sẽ giúp đỡ các doanh nghiệp Việt Nam, trong đó có Petro Miền Trung và các khách hàng phục hồi nhanh chóng.

Với những yếu tố trên, Ban điều hành Công ty tin tưởng rằng hoạt động sản xuất kinh doanh của Petro Miền Trung sẽ lấy lại đà tăng trưởng và đạt kết quả khả quan trong năm 2022 cũng như các năm tiếp theo.

 BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG LẺ VÀ HỢP NHẤT





**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG
Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính	
• Bảng cân đối kế toán	6 - 7
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
• Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2021: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**Nhân sự**

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 28 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm có:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 01/11/2017
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 01/11/2017
Ông Lê Tấn Cần	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2020
Ông Sato Ryoichi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/04/2020
Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2010
Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2022
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/11/2016
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính này theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2022.



Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Số: 518/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 3, Báo cáo tài chính đính kèm là Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng Công ty mẹ. Báo cáo tài chính này cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để người sử dụng có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,

Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01 – DN

Ban hành theo Thông tư

số 200/2014/TT - BTC


ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		470.209.712.467	284.968.154.703
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		17.434.714.305	29.491.759.488
1. Tiền	111	6	1.434.714.305	29.491.759.488
2. Các khoản tương đương tiền	112	7	16.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		200.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	200.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		250.943.119.873	253.609.427.818
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	289.053.381.332	250.310.654.431
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	823.828.209	3.259.099.784
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	11.a	9.804.482.250	39.673.603
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(48.738.571.918)	-
IV. Hàng tồn kho	140	13	1.153.772.294	1.652.405.585
1. Hàng tồn kho	141		1.153.772.294	1.652.405.585
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		678.105.995	214.561.812
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	535.350.889	60.625.252
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		68.975.217	80.156.671
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	20	73.779.889	73.779.889
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		622.292.910.613	623.660.397.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.932.459.192	8.641.159.192
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	11.b	3.932.459.192	8.641.159.192
II. Tài sản cố định	220		24.494.469.214	12.744.283.052
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	24.494.469.214	12.744.283.052
- Nguyên giá	222		42.581.335.748	29.433.263.021
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.086.866.534)	(16.688.979.969)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	1.818.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	(1.818.181.818)
III. Bất động sản đầu tư	230	16	94.229.657.314	94.278.419.566
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(97.524.504)	(48.762.252)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		498.141.564.618	506.358.885.113
1. Đầu tư vào công ty con	251	17	507.055.979.612	507.055.979.612
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	17	(8.914.414.994)	(697.094.499)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.494.760.275	1.637.650.847
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	1.494.760.275	1.637.650.847
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.092.502.623.080	908.628.552.473

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		543.850.049.779	343.743.082.532
I. Nợ ngắn hạn	310		506.804.711.700	298.786.295.745
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	285.950.604.912	201.390.097.171
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	19	694.846.281	7.064.259.428
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	20	1.795.144.362	34.951.974.146
4. Phải trả người lao động	314		383.479.400	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		64.000.000	79.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		959.708.800	965.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	216.652.877.945	54.700.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		304.050.000	600.000.000
II. Nợ dài hạn	330		37.045.338.079	44.956.786.787
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	22	37.045.338.079	44.956.786.787
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		548.652.573.301	564.885.469.941
I. Vốn chủ sở hữu	410		548.652.573.301	564.885.469.941
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	85.289.793.301	101.522.689.941
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		101.522.689.941	(787.305.657)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(16.232.896.640)	102.309.995.598
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.092.502.623.080	908.628.552.473

Người lập biểu


Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	24	1.368.302.752.898	1.122.789.577.698
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	13.376.176.317
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.368.302.752.898	1.109.413.401.381
4. Giá vốn hàng bán	11	25	1.334.766.481.262	1.061.855.515.726
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		33.536.271.636	47.557.885.655
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	21.178.033.066	145.609.272.672
7. Chi phí tài chính	22	27	10.539.005.481	15.425.699.203
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.055.235.678	14.720.357.741
8. Chi phí bán hàng	25	28.a	3.827.762.174	20.291.178.701
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28.b	53.780.786.807	6.795.733.527
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(13.433.249.760)	150.654.546.896
11. Thu nhập khác	31	29	7.635.390.190	8.894.391.931
12. Chi phí khác	32	30	4.917.140.916	4.861.299.169
13. Lợi nhuận khác	40		2.718.249.274	4.033.092.762
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(10.715.000.486)	154.687.639.658
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	5.517.896.154	52.377.644.060
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(16.232.896.640)	102.309.995.598

Người lập biểu


Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03 – DN
Ban hành theo Thông tư
số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(10.715.000.486)	154.687.639.658
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	15,16	1.459.243.057	3.947.821.717
- Các khoản dự phòng	03		56.955.892.413	697.094.499
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	26,29	(4.829.778.240)	(138.999.544.752)
- Chi phí lãi vay	06	27	2.055.235.678	14.720.357.741
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		44.925.592.422	35.053.368.863
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(33.458.714.573)	(88.498.499.793)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		498.633.291	18.078.692.458
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		62.662.184.956	80.584.859.803
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(331.835.065)	117.178.719.981
- Tiền lãi vay đã trả	14	27	(2.055.235.678)	(14.720.357.741)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	20	(33.010.132.718)	(28.678.399.235)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(295.950.000)	(900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		38.934.542.635	118.098.384.336
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	15,16	(13.253.590.909)	(157.000.000)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22	15,29	114.609.092	561.037.973
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8	(200.000.000.000)	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(374.210.198.362)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	426.905.375.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,26	194.516.054	8.630.220.497
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(212.944.465.763)	61.729.435.108
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	21	640.912.771.078	779.970.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	21	(478.959.893.133)	(958.514.422.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		161.952.877.945	(178.544.422.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(12.057.045.183)	1.283.397.444
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,7	29.491.759.488	28.208.362.044
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,7	17.434.714.305	29.491.759.488

Người lập biểu


Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. Đặc điểm hoạt động

1.1 Khái quát chung

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (Sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4000462724) ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhờn, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có 03 Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và các Công ty con sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Các chi nhánh

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Quảng Trị (<i>chấm dứt hoạt động theo Thông báo số 109/22 ngày 06/01/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Trị</i>)	Khu công nghiệp Nam Đông Hà - Phường Đông Lương - TP. Đông Hà - Tỉnh Quảng Trị
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Bình Định	Thôn Hội Vân - Xã Cát Hiệp - Huyện Phù Cát - Tỉnh Bình Định
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung tại Thừa Thiên Huế	Cụm CN Thủy Phương - Phường Thủy Phương - TX Hương Thủy - Thừa Thiên Huế

Các Công ty con

STT	Tên Công ty	Tỷ lệ sở hữu	Ghi chú
1	Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	51,00%	Số 1A/8 Đường Châu Văn Lông, KP Long Điền, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
2	Công ty TNHH Trung Nam	65,00%	Số 8G Khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
3	Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	51,00%	Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam Lĩnh vực kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí
4	Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	51,00%	Khu công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
<i>Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị là Công ty con, có 100% vốn góp là của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung.</i>			
5	Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	51,00%	Khu công nghiệp Hậu Càng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam Kinh doanh: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí

Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung là Công ty con, có 100% vốn góp là của Công ty Cổ phần Gas Miền Trung. Ngày 25/11/2021, Công ty CP Gas Miền Trung đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty có các công ty con; Theo các quy định hiện hành, Công ty cần lập đồng thời Báo cáo tài chính năm 2021 của riêng Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021. Người sử dụng Báo cáo nên đọc Báo cáo tài chính của Công ty mẹ này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.2 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Mỗi quan hệ là công ty con thường được thể hiện thông qua việc Công ty nắm giữ (trực tiếp hoặc gián tiếp) trên 50% quyền biểu quyết và có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng. Các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia bằng tiền hoặc phi tiền tệ cho giai đoạn trước ngày đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Dự phòng**

Dự phòng đối với khoản đầu tư vào công ty con được lập nếu các khoản đầu tư này bị suy giảm giá trị hoặc bị lỗ dẫn đến khả năng mất vốn của Công ty.

Đối với các công ty nhận đầu tư là đối tượng phải lập báo cáo tài chính hợp nhất thì dự phòng tổn thất được trích lập căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất. Các trường hợp khác, dự phòng trích lập trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty nhận đầu tư.

4.3 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua.
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.5 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 8
Tài sản cố định khác	15

4.6 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.7 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Chi phí vô binh, chi phí kiểm định vô binh được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

4.8 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

4.9 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.10 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hoá vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.12 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:

- ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.13 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.14 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.15 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính, chiết khấu thanh toán cho người mua, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.16 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.17 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

chính các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

4.18 Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.19 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Mật hàng khí đốt hóa lỏng LPG thuộc đối tượng chịu thuế suất GTGT là 10%; các mặt hàng khác chịu thuế suất theo quy định hiện hành.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo kết quả kiểm tra của Cục thuế Tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 4612/QĐ-CTQNA ngày 10/06/2021. Cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Bảng cân đối kế toán	Mã số	Số liệu tại ngày 31/12/2020	Số liệu tại ngày 01/01/2021		Ghi chú
			(Đã hồi tố)	Chênh lệch	
Thuế và các khoản p/nộp nhà nước	313	7.347.440.821	34.951.974.146	27.604.533.325	(1), (2)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	129.127.223.266	101.522.689.941	(27.604.533.325)	(1), (2)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	169.513.616	(787.305.657)	(956.819.273)	(2)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	128.957.709.650	102.309.995.598	(26.647.714.052)	(1)

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2020	Năm 2020		Ghi chú
			(Đã hồi tố)	Chênh lệch	
Chi phí khác	32	403.148.197	4.861.299.169	4.458.150.972	(1)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30.188.080.980	52.377.644.060	22.189.563.080	(1)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60	128.957.709.650	102.309.995.598	(26.647.714.052)	(1)

(1) Chi tiêu “Chi phí khác” và “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” năm 2020 tăng lần lượt là 4.458.150.972 đồng và 22.189.563.080 đồng là do Cơ quan thuế xác định tiền phạt và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, “Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp” trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020 và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này” tại ngày 01/01/2021 giảm tổng hợp là 26.647.714.052 đồng, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tại ngày 01/01/2021 tăng lên một lượng tương ứng.

(2) Tổng tiền phạt và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 đến năm 2019 qua kiểm tra thuế là 956.819.273 đồng. Việc điều chỉnh hồi tố số tiền này làm ảnh hưởng lũy kế đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 01/01/2021 như sau: khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” giảm đi 956.819.273 đồng và khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tăng lên một lượng tương ứng.

Tổng các khoản phạt và truy thu từ năm 2015 đến năm 2020 đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Tổng cộng
Tiền thuế truy thu	22.189.563.080	87.285.198	431.858.045	63.559.674	130.925.983	98.646.411	23.001.838.391
Trong đó:							
Thuế GTGT	-	-	52.038.364	-	43.413.636	48.227.455	143.679.455
Thuế TNCN	-	4.235.377	1.471.490	1.125.437	-	1.503.073	8.335.377
Thuế TNDN	22.189.563.080	83.049.821	378.348.191	62.434.237	87.512.347	48.915.883	22.849.823.559
Tiền thuế phạt	4.458.150.972	17.457.040	88.189.791	12.711.935	26.185.196	-	4.602.694.934
Cộng	26.647.714.052	104.742.238	520.047.836	76.271.609	157.111.179	98.646.411	27.604.533.325

Ảnh hưởng tổng hợp của việc điều chỉnh (1) và (2) làm giảm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và tăng chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tại ngày 01/01/2021 cùng một lượng là 27.604.533.325 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

6. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	205.462.409	570.708.144
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.229.251.896	28.921.051.344
Cộng	1.434.714.305	29.491.759.488

7. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	16.000.000.000	-
Cộng	16.000.000.000	-

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và không quá 12 tháng	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-

Tại thời điểm 31/12/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Tất cả các khoản tiền gửi này đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín – CN Đà Nẵng và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Đà Nẵng.

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Gas Miền Trung	234.193.010.402	194.012.858.410
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	48.738.571.918	48.738.571.918
Công ty CP Dầu khí V - Gas	1.616.858.380	5.049.535.160
Các đối tượng khác	4.504.940.632	2.509.688.943
Cộng	289.053.381.332	250.310.654.431

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Trong đó: Phải thu khách hàng là bên liên quan

	Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Gas Miền Trung	Công ty con	234.193.010.402	194.012.858.410
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung (thoái vốn ngày 25/11/2021)	Công ty con	48.738.571.918	48.738.571.918
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con	1.616.858.380	5.049.535.160
Cộng		284.548.440.700	247.800.965.488

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Sản xuất và Cho thuê thiết bị	260.835.209	2.660.835.209
Các đối tượng khác	562.993.000	598.264.575
Cộng	823.828.209	3.259.099.784

11. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuế nhập khẩu tạm nộp	4.641.678.833	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	500.000.000	-	-	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	4.622.667.946	-	-	-
Các khoản khác	40.135.471	-	39.673.603	-
Cộng	9.804.482.250	-	39.673.603	-

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	3.932.459.192	-	8.641.159.192	-
Cộng	3.932.459.192	-	8.641.159.192	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

12. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	31/12/2021	01/01/2021
Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn <i>Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung</i>	(48.738.571.918) (48.738.571.918)	-
Cộng	(48.738.571.918)	-

13. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	849.397.508	-	842.835.697	-
Hàng hóa	304.374.786	-	809.569.888	-
Cộng	1.153.772.294	-	1.652.405.585	-

- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp đảm bảo các khoản nợ phải trả tại thời điểm 31/12/2021.
- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại 31/12/2021.

14. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí bảo hiểm tài sản	16.916.002	9.924.173
Phí bảo lãnh	480.586.078	-
Các khoản khác	37.848.809	50.701.079
Cộng	535.350.889	60.625.252

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí thuê đất Khu công nghiệp (*)	808.028.730	954.943.050
Phí sử dụng hạ tầng khu công nghiệp	445.605.138	526.654.254
Các khoản khác	241.126.407	156.053.543
Cộng	1.494.760.275	1.637.650.847

(*) Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp Điện Nam – Điện Ngọc trong 10 năm, tính đến ngày 30/06/2027, diện tích đất thuê: 11.556 m².

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	14.663.624.840	13.803.184.651	711.851.076	212.147.454	42.455.000	29.433.263.021
Mua sắm trong năm	-	74.601.818	12.052.900.000	214.818.182	-	12.342.320.000
Đầu tư XDCB h/thành	920.361.819	-	-	-	-	920.361.819
Thanh lý nhượng bán	-	114.609.092	-	-	-	114.609.092
Số cuối năm	15.583.986.659	13.763.177.377	12.764.751.076	426.965.636	42.455.000	42.581.335.748
Khấu hao						
Số đầu năm	4.971.479.672	10.817.665.100	684.400.128	179.112.474	36.322.595	16.688.979.969
Khấu hao trong năm	753.088.258	510.160.720	111.066.977	33.334.518	2.830.332	1.410.480.805
Thanh lý, nhượng bán	-	12.594.240	-	-	-	12.594.240
Số cuối năm	5.724.567.930	11.315.231.580	795.467.105	212.446.992	39.152.927	18.086.866.534
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	9.692.145.168	2.985.519.551	27.450.948	33.034.980	6.132.405	12.744.283.052
Số cuối năm	9.859.418.729	2.447.945.797	11.969.283.971	214.518.644	3.302.073	24.494.469.214

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 4.701.874.572 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 4.921.915.408 đồng.
- Không có TSCĐ hữu hình chờ thanh lý.
- Không có cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

16. Bất động sản đầu tư

	Nhà (*)	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	975.245.040	93.351.936.778	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	48.762.252	-	48.762.252
Khấu hao trong năm	48.762.252	-	48.762.252
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Số cuối năm	97.524.504	-	97.524.504
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	926.482.788	93.351.936.778	94.278.419.566
Số cuối năm	877.720.536	93.351.936.778	94.229.657.314

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất lâu dài và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2021, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Đầu tư vào công ty con

	Tình hình hoạt động	Tỷ lệ vốn	TL quyền BQ	Số lượng cổ phiếu	31/12/2021		01/01/2021	
					Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	11.475.000	310.424.781.250	(6.515.697.602)	310.424.781.250	-
- Công ty TNHH Trung Nam	Đang hoạt động	65,00%	65,00%	-	9.750.000.000	(2.398.717.392)	9.750.000.000	(697.094.499)
- Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Đang hoạt động	51,00%	51,00%	16.690.909	186.881.198.362	-	186.881.198.362	-
Cộng					507.055.979.612	(8.914.414.994)	507.055.979.612	(697.094.499)

Tại thời điểm 31/12/2021, các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, giá trị dự phòng các khoản đầu tư được trích lập dựa trên Báo cáo tài chính sau kiểm toán của các Công ty con. Công ty cũng không có nguồn dữ liệu tham khảo nào đáng tin cậy để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư.

Công ty đã thế chấp 1.636.364 cổ phần đầu tư vào Công ty CP Gas Miền Trung và 1.125.000 cổ phần đầu tư vào Công ty CP Dầu khí V-Gas cho Tokai Corporation để làm tài sản đảm bảo cho các hợp đồng vay ngày 14/07/2021 giữa 02 Công ty con này và Tokai Corporation.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	58.586.582.908	58.586.582.908
Chi nhánh Tổng công ty kinh doanh khí Việt Nam - Công ty TNHH MTV Kinh doanh Sản Phẩm Khí	197.702.572.538	105.420.772.812
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - Chi nhánh Miền Nam	29.434.052.362	28.016.649.619
Các đối tượng khác	227.397.104	9.366.091.832
Cộng	285.950.604.912	201.390.097.171

Trong đó: Phải trả người bán là bên liên quan

Mối quan hệ	31/12/2021	01/01/2021
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	58.586.582.908	58.586.582.908
Công ty TNHH Trung Nam	120.000.000	240.000.000
Cộng	58.706.582.908	58.826.582.908

19. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Số dư với các bên liên quan:	-	6.226.813.231
- Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	-	6.226.753.230
- Công ty TNHH Một thành viên Gas Quảng Trị	-	60.001
Công ty CP Chiết xuất gas Phương Thiên Hưng	648.553.623	648.553.623
Các đối tượng khác	46.292.658	188.892.574
Cộng	694.846.281	7.064.259.428

20. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	965.743.319	36.036.676.266	36.980.764.473	-	21.655.112
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	29.260.132.718	5.517.896.154	33.010.132.718	-	1.767.896.154
Thuế thu nhập cá nhân	73.779.889	123.403.175	21.200.721	139.010.800	73.779.889	5.593.096
Thuế nhập khẩu	-	-	16.433.709.725	16.433.709.725	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	7.686.393	7.686.393	-	-
Các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	-	-
Tiền thuế phạt, chậm nộp	-	4.602.694.934	742.424.916	5.345.119.850	-	-
Cộng	73.779.889	34.951.974.146	58.765.594.175	91.922.423.959	73.779.889	1.795.144.362

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Cuối năm	
	USD	VND			USD	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam		5.600.000.000	59.160.000.000	64.760.000.000		-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	- #	49.100.000.000	363.532.427.884	375.922.291.294	1.613.987,10 #	36.710.136.590
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Đà Nẵng		-	10.000.000.000	10.000.000.000		-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	- #	-	208.220.343.194	28.277.601.839	7.838.416,79 #	179.942.741.355
Cộng	- #	54.700.000.000	640.912.771.078	478.959.893.133	9.452.403,89 #	216.652.877.945

22. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	37.045.338.079	44.956.786.787
Cộng	37.045.338.079	44.956.786.787

23. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại 01/01/2020	421.240.940.000	41.834.534.343	463.075.474.343
Tăng trong năm	42.121.840.000	102.309.995.598	144.431.835.598
Giảm trong năm	-	42.621.840.000	42.621.840.000
Số dư tại 31/12/2020	463.362.780.000	101.522.689.941	564.885.469.941
Số dư tại 01/01/2021	463.362.780.000	101.522.689.941	564.885.469.941
Tăng trong năm	-	(16.232.896.640)	(16.232.896.640)
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2021	463.362.780.000	85.289.793.301	548.652.573.301

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	463.362.780.000	421.240.940.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	42.121.840.000
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
Cổ tức đã chia (bằng cổ phiếu)	-	42.121.840.000

c. Cổ phiếu

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	101.522.689.941	41.834.534.343
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(16.232.896.640)	102.309.995.598
Phân phối lợi nhuận	-	42.621.840.000
- Phân phối lợi nhuận kỳ trước	-	500.000.000
+ Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	300.000.000
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	200.000.000
+ Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	42.121.840.000
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	85.289.793.301	101.522.689.941

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 23/04/2021 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	1.352.783.812.712	986.654.920.359
Doanh thu cung cấp dịch vụ	14.426.940.186	1.633.882.959
Doanh thu khác (vô bình gas, van đã qua sử dụng,...)	1.092.000.000	134.500.774.380
Cộng	1.368.302.752.898	1.122.789.577.698

25. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn hàng hóa đã bán	1.323.306.877.376	931.722.823.896
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	10.406.972.623	1.056.046.920
Giá vốn hoạt động khác (vô bình gas, van đã qua sử dụng,...)	1.052.631.263	129.076.644.910
Cộng	1.334.766.481.262	1.061.855.515.726

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.817.184.000	21.686.568
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.608.533.929
Lãi chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	129.101.156.250
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	610.022.411	63.984.967
Lãi bán hàng trả chậm phải thu	15.750.826.655	7.722.277.508
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	91.633.450
Cộng	21.178.033.066	145.609.272.672

27. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	2.055.235.678	14.720.357.741
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	147.867.529	416.640
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác	8.217.320.495	697.094.499
Chi phí tài chính khác	118.581.779	7.830.323
Cộng	10.539.005.481	15.425.699.203

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Chi phí bán hàng

	Năm 2021	Năm 2020
Tiền lương nhân viên bán hàng	-	1.761.160.250
Chi phí sử dụng vỏ bình, thương hiệu	-	7.403.626.177
Chi phí khấu hao tài sản cố định	504.607.692	2.803.097.675
Chi phí sử dụng công cụ, dụng cụ	70.263.820	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	189.009.088	4.974.688.804
Phí bảo lãnh, ngân hàng	3.063.881.574	181.817.982
Các khoản khác	-	3.166.787.813
Cộng	3.827.762.174	20.291.178.701

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí tiền lương nhân viên quản lý	2.265.453.350	3.407.854.350
Chi phí khấu hao tài sản cố định	489.780.731	634.990.404
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	48.738.571.918	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.756.903	1.215.043.994
Các khoản khác	1.634.223.905	1.537.844.779
Cộng	53.780.786.807	6.795.733.527

29. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	7.269.968.708	7.511.508.132
Lãi bán thanh lý tài sản cố định	12.594.240	1.268.168.005
Các khoản khác	352.827.242	114.715.794
Cộng	7.635.390.190	8.894.391.931

30. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Xử lý công nợ	4.067.000.000	-
Tiền thuế phạt, thuế truy thu	791.420.188	4.458.150.972
Các khoản khác	58.720.728	403.148.197
Cộng	4.917.140.916	4.861.299.169

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

31. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(10.715.000.486)	154.687.639.658
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	38.304.480.924	107.200.580.640
- Điều chỉnh tăng	38.657.308.166	115.809.114.569
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	38.657.308.166	4.861.299.169
+ Chi phí lãi vay không được trừ	-	-
+ Tăng thu nhập tính thuế theo BB kiểm tra thuế năm 2020	-	110.947.815.400
- Điều chỉnh giảm	352.827.242	8.608.533.929
+ Cỏ tức lợi nhuận được chia	-	8.608.533.929
+ Thu nhập đã tính thuế năm trước	352.827.242	-
Tổng thu nhập chịu thuế	27.589.480.438	261.888.220.298
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.517.896.154	52.377.644.060

32. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.424.829.427	4.204.159.960
Chi phí nhân công	5.262.634.150	7.690.421.100
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.459.243.057	3.947.821.717
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.191.718.114	27.152.158.975
Chi phí khác bằng tiền	4.940.128.873	5.248.632.865
Cộng	19.278.553.621	48.243.194.617

33. Quản lý rủi ro

a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro về tỷ giá, rủi ro về lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Giá trị ghi sổ của các nợ vay có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
	USD	USD
Vay ngắn hạn	9.452.403,89	-

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá trị hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc tiến độ thu hồi, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để có chỉ đạo kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	285.950.604.912	-	285.950.604.912
Chi phí phải trả	64.000.000	-	64.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	216.652.877.945	-	216.652.877.945
Phải trả khác	959.708.800	37.045.338.079	38.005.046.879
Cộng	503.627.191.657	37.045.338.079	540.672.529.736
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	201.390.097.171	-	201.390.097.171
Chi phí phải trả	79.000.000	-	79.000.000
Vay và nợ thuê tài chính	54.700.000.000	-	54.700.000.000
Phải trả khác	965.000	44.956.786.787	44.957.751.787
Cộng	256.170.062.171	44.956.786.787	301.126.848.958

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.434.714.305	-	17.434.714.305
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	200.000.000.000	-	200.000.000.000
Phải thu khách hàng	240.314.809.414	-	240.314.809.414
Phải thu khác	9.804.482.250	3.932.459.192	13.736.941.442
Cộng	467.554.005.969	3.932.459.192	471.486.465.161
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.491.759.488	-	29.491.759.488
Phải thu khách hàng	250.310.654.431	-	250.310.654.431
Phải thu khác	39.673.603	8.641.159.192	8.680.832.795
Cộng	279.842.087.522	8.641.159.192	288.483.246.714

34. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,

Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Quảng Nam		Quảng Trị		Thừa Thiên Huế		Bình Định		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bộ phận	1.368.302.752.898	975.853.050.801	-	40.348.696.701	-	79.916.907.085	-	26.670.923.111	1.368.302.752.898	1.122.789.577.698
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	4.472.031.810	-	1.234.077.274	-	7.618.418.369	-	51.648.864	-	13.376.176.317
Chi phí bộ phận	1.392.294.540.467	951.362.688.898	25.996.314	38.502.018.813	17.497.415	72.644.885.995	36.996.047	26.432.834.248	1.392.375.030.243	1.088.942.427.954
Giá vốn	1.334.766.481.262	928.793.792.967	-	37.121.473.501	-	70.091.993.597	-	25.848.255.661	1.334.766.481.262	1.061.855.515.726
CPBH	3.794.937.867	17.171.536.353	12.540.192	916.612.905	15.561.275	1.899.357.961	4.722.840	303.671.482	3.827.762.174	20.291.178.701
CPQL	53.733.121.338	5.397.359.578	13.456.122	463.932.407	1.936.140	653.534.437	32.273.207	280.907.105	53.780.786.807	6.795.733.527
Lãi/(lỗ) từ h.động kinh doanh	(23.991.787.569)	20.018.330.093	(25.996.314)	612.600.614	(17.497.415)	(346.397.279)	(36.996.047)	186.439.999	(24.072.277.345)	20.470.973.427
Doanh thu hoạt động tài chính	21.177.514.994	145.607.605.655	259.809	497.283	219.426	852.191	38.837	317.543	21.178.033.066	145.609.272.672
Chi phí hoạt động tài chính	10.539.005.481	15.425.699.203	-	-	-	-	-	-	10.539.005.481	15.425.699.203
- Chi phí lãi vay	2.055.235.678	14.720.357.741	-	-	-	-	-	-	2.055.235.678	14.720.357.741
- Chi phí tài chính khác	8.483.769.803	705.341.462	-	-	-	-	-	-	8.483.769.803	705.341.462
Lãi/(lỗ) từ hoạt động tài chính	10.638.509.513	130.181.906.452	259.809	497.283	219.426	852.191	38.837	317.543	10.639.027.585	130.183.573.469
Thu nhập khác	7.622.795.617	8.894.391.931	-	-	-	-	12.594.573	-	7.635.390.190	8.894.391.931
Chi phí khác	4.917.140.916	4.599.704.423	-	96.833.834	-	92.360.008	-	72.400.904	4.917.140.916	4.861.299.169
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	2.705.654.701	4.294.687.508	-	(96.833.834)	-	(92.360.008)	12.594.573	(72.400.904)	2.718.249.274	4.033.092.762
Lợi nhuận trước thuế	(10.647.623.355)	154.494.924.053	(25.736.505)	516.264.063	(17.277.989)	(437.905.096)	(24.362.637)	114.356.638	(10.715.000.486)	154.687.639.658
Thuế TNDN	5.517.896.154	51.915.664.768	-	161.934.207	-	216.005.600	-	84.039.485	5.517.896.154	52.377.644.060
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(16.165.519.509)	102.579.259.285	(25.736.505)	354.329.856	(17.277.989)	(653.910.696)	(24.362.637)	30.317.153	(16.232.896.640)	102.309.995.598

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Thông tin về các bên liên quan

a. Bên liên quan

	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Công ty con
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH Trung Nam	Công ty con
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung (thoái vốn từ ngày 25/11/2021)	Công ty con
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Công ty con
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Em trai ông Nguyễn Tiến Lãng

b. Giao dịch trọng yếu phát sinh với bên liên quan trong kỳ

	Giao dịch	Năm 2021	Năm 2020
Công ty Cổ phần Dầu khí V-Gas	Mua hàng	-	1.815.090.289
	Bán hàng	557.638.915.891	378.841.168.367
	Nhận cổ tức	-	8.608.533.929
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	Bán hàng	-	20.045.075.452
Công ty Cổ phần Gas Miền Trung	Mua hàng	-	292.334.230.186
	Bán hàng	800.390.710.801	473.401.799.607
	Phải thu lãi chậm thanh toán	15.750.826.655	7.722.277.508
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Mua cổ phần	-	14.014.000.000
Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị	Bán hàng	-	561.037.973
Công ty TNHH Trung Nam	Thuê xe	218.181.816	218.181.818

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Thù lao Hội đồng quản trị

		Năm 2021	Năm 2020
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	-	432.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT	-	144.000.000
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên HĐQT	-	144.000.000

d. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2021	Năm 2020
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	480.150.000	496.500.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	292.110.000	242.000.000
Bà Phạm Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc	-	141.400.000
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	408.150.000	385.200.000

36. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như: hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,... Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để vừa linh hoạt kiểm soát dịch bệnh vừa đảm bảo sản xuất, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến Công ty.

37. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

38. Số liệu so sánh

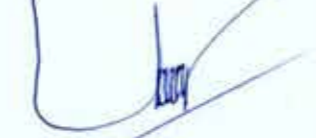
Là số liệu trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chỉ tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại thuyết minh số 5.

Người lập biểu



Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ
SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG**
Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT PETRO MIỀN TRUNG

Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc,
Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

MỤC LỤC

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	1 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính hợp nhất	
• Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 6
• Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
• Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
• Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	9 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung công bố báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 đã được kiểm toán.

Thông tin khái quát

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) theo Quyết định số 491/QĐ-SGDHCM ngày 27/12/2017 với mã chứng khoán là PMG.

Vốn điều lệ: 463.362.780.000 đồng.

Vốn thực góp đến ngày 31/12/2021: 463.362.780.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô số 04, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Phường Điện Nam Bắc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Điện thoại: (84) 02353 947 233
- Fax: (84) 02353 947 244
- Website: <http://petrocenter.com.vn/>

Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhớt, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Nhân sự

Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm tài chính là 28 người. Trong đó, bộ phận quản lý là 3 người.

Các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm tài chính và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này gồm có:

Hội đồng quản trị

• Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch	Bổ nhiệm lại ngày 01/11/2017
• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 01/11/2017
• Ông Lê Tấn Cẩn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 29/04/2020
• Ông Sato Ryoichi	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/04/2021

Ban Kiểm soát

• Bà Nguyễn Thị Hồng Bích	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 29/04/2020
• Bà Lê Thị Hồng Trang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017
• Bà Trần Thị Quyên	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/11/2017

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

• Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2010
• Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/01/2022
• Ông Sato Ryoichi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/02/2022
• Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 30/11/2016
• Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 01/01/2021

Kiểm toán độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất này được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC (Trụ sở chính: Lô 78-80, Đường 30 Tháng 4, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng; Điện thoại: (84) 0236.3655886; Fax: (84) 0236.3655887; Website: www.aac.com.vn; Email: aac@dng.vnn.vn).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở:

- Tuân thủ các quy định của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý hiện hành khác có liên quan;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục;
- Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty, bằng báo cáo này xác nhận rằng: Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại thời điểm 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc là Ông Nguyễn Văn Trung phê duyệt và công bố Báo cáo tài chính hợp nhất này theo Giấy ủy quyền ngày 01/01/2022.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN

ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT

PETRO

MIỀN TRUNG

DIỆN BÀN - T. QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Trung

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Số: 519/2022/BCKT-AAC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất lập ngày 29/03/2022 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung (sau đây gọi tắt là "Công ty") đính kèm từ trang 5 đến trang 40, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2018-010-1

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Nguyễn Văn Thiện – Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3108-2020-010-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 01-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		632.673.557.283	359.840.852.653
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		77.594.223.173	84.051.907.860
1. Tiền	111	6	18.343.302.452	84.051.907.860
2. Các khoản tương đương tiền	112	7	59.250.920.721	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		302.656.717.630	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	302.656.717.630	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		147.846.012.878	198.642.630.567
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	186.993.443.737	175.169.014.124
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	9.793.369.927	7.503.939.927
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	2.086.000.000	4.536.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	12.a	49.957.799.359	13.106.662.788
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	13	(100.984.600.145)	(1.672.986.272)
IV. Hàng tồn kho	140		55.873.667.459	25.578.514.868
1. Hàng tồn kho	141	14	55.873.667.459	25.578.514.868
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.702.936.143	51.567.799.358
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15.a	3.239.006.211	1.816.244.479
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		44.105.695.048	47.344.960.598
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	24	1.358.234.884	2.406.594.281
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.099.441.745.456	1.128.800.716.151
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		23.924.200.000	29.595.200.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Phải thu dài hạn khác	216	12.b	23.924.200.000	29.595.200.000
II. Tài sản cố định	220		530.210.358.612	554.478.555.416
1. Tài sản cố định hữu hình	221	16	530.210.358.612	554.478.555.416
- Nguyên giá	222		736.665.278.288	715.935.758.123
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(206.454.919.676)	(161.457.202.707)
2. Tài sản cố định vô hình	227	17	-	-
- Nguyên giá	228		2.818.181.818	4.636.363.636
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.818.181.818)	(4.636.363.636)
III. Bất động sản đầu tư	230	18	94.229.657.314	94.278.419.566
- Nguyên giá	231		94.327.181.818	94.327.181.818
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(97.524.504)	(48.762.252)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		2.279.921.121	2.190.909.091
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	19	2.279.921.121	2.190.909.091
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		448.797.608.409	448.257.632.078
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15.b	443.489.403.456	442.867.437.628
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	20	2.452.605.495	1.973.807.056
3. Lợi thế thương mại	269	21	2.855.599.458	3.416.387.394
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.732.115.302.739	1.488.641.568.804

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
Ngày 31 tháng 12 năm 2021

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.078.270.083.977	726.671.796.390
I. Nợ ngắn hạn	310		936.527.475.533	602.501.341.510
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	22	232.386.069.079	154.576.800.441
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	23	6.073.141.371	6.631.510.347
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	24	3.472.544.657	36.751.935.267
4. Phải trả người lao động	314		1.791.779.431	1.436.415.298
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	25	2.660.466.190	995.795.779
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	26.a	1.905.429.348	93.468.866
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	27.a	687.918.579.945	401.400.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		319.465.512	615.415.512
II. Nợ dài hạn	330		141.742.608.444	124.170.454.880
1. Phải trả dài hạn khác	337	26.b	95.959.725.445	100.800.171.278
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	27.b	44.000.000.000	23.200.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		1.782.882.999	170.283.602
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		653.845.218.762	761.969.772.414
I. Vốn chủ sở hữu	410		653.845.218.762	761.969.772.414
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	28	463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		463.362.780.000	463.362.780.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	28	(105.354.866.520)	(43.673.207.815)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(43.673.207.815)	8.439.155.563
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(61.681.658.705)	(52.112.363.378)
3. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429	29	295.837.305.282	342.280.200.229
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.732.115.302.739	1.488.641.568.804

Người lập biểu



Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022



Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 02-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	1.634.328.866.992	1.301.566.898.062
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	31	67.512.495.555	76.755.298.828
3. Doanh thu thuần về bán hàng và c.cấp dịch vụ	10		1.566.816.371.437	1.224.811.599.234
4. Giá vốn hàng bán	11	32	1.330.446.669.757	981.384.007.386
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và c.cấp dịch vụ	20		236.369.701.680	243.427.591.848
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	33	63.574.188.280	649.907.019
7. Chi phí tài chính	22	34	28.020.205.298	44.311.536.858
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		25.874.790.995	42.865.059.476
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty l.doanh, l.kết	24		-	-
9. Chi phí bán hàng	25	35.a	180.547.481.912	145.417.718.969
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35.b	198.377.771.210	33.755.492.629
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(107.001.568.460)	20.592.750.411
12. Thu nhập khác	31	36	18.437.867.906	26.965.247.060
13. Chi phí khác	32	37	9.439.872.130	8.825.066.770
14. Lợi nhuận khác	40		8.997.995.776	18.140.180.290
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(98.003.572.684)	38.732.930.701
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	38	8.987.180.010	59.951.267.186
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1.133.800.958	(1.149.276.609)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(108.124.553.652)	(20.069.059.876)
18.1. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(61.681.658.705)	(22.010.142.504)
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(46.442.894.947)	1.941.082.628
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	39	(1.331)	(475)
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	39	(1.331)	(475)

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 03-DN/HN
Ban hành theo TT số 202/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(98.003.572.684)	38.732.930.701
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT, LTTM	02	16;18;21	46.860.501.702	47.159.761.303
- Các khoản dự phòng	03		161.052.906.673	-
- Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(5.542.555.900)	-
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	33;36	(57.437.064.514)	(589.405.508)
- Chi phí lãi vay	06	34	25.874.790.995	42.865.059.476
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		72.805.006.272	128.168.345.972
- Tăng giảm các khoản phải thu	09		(140.847.070.038)	59.987.085.252
- Tăng giảm hàng tồn kho	10		(30.554.352.591)	4.473.859.728
- Tăng giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		155.204.547.048	16.633.679.374
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	15	(2.046.163.660)	(87.413.330.680)
- Tiền lãi vay đã trả	14	34	(23.693.548.601)	(42.865.059.476)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	24	(35.465.711.522)	(45.156.334.953)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(295.950.000)	(900.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.893.243.092)	32.928.245.217
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	16	(22.596.264.823)	(11.780.016.619)
2. Tiền thu từ TLý nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		15.454.545	104.545.456
3. Tiền chi cho vay mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	8;11	(303.506.717.630)	(4.536.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		9.894.713.507	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(374.210.198.362)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	426.905.375.000
7. Tiền thu lãi cho vay cổ tức và lợi nhuận được chia	27	33	1.767.236.961	484.860.052
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(314.425.577.440)	36.968.565.527
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu nhận vốn góp của CSH	31		-	194.002.367.229
2. Tiền thu từ đi vay	33	27	2.223.181.053.078	1.976.844.000.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	27	(1.910.319.893.133)	(2.202.271.342.800)
4. Cổ tức lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.453.388.845)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		312.861.159.945	(32.878.364.416)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(6.457.660.587)	37.018.446.328
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6,7	84.051.907.860	47.033.461.532
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		(24.100)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	6,7	77.594.223.173	84.051.907.860

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Lê Thị Mỹ Nương

Nguyễn Thị Linh Thường

Nguyễn Văn Trung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***1. Đặc điểm hoạt động****1.1 Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Đầu tư và Sản xuất Petro Miền Trung được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 4000462724 ngày 09/05/2007 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 20 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 25/09/2020.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh chính: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan khác.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: kinh doanh, xuất nhập khẩu khí đốt hóa lỏng LPG (bao gồm bán LPG cho xe bồn, xe ô tô, xe máy, LPG chai lớn và chai nhỏ), CNG, xăng, dầu, dầu nhớt, chi tiết nạp gas chai lớn, chai mini, xe ô tô và xe bồn. Kinh doanh vỏ bình gas, bếp gas và các phụ kiện liên quan;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Chế biến bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Vận tải hành khách đường bộ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn đồ uống chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình.

1.4 Cấu trúc Công ty

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bao gồm Công ty mẹ và 5 Công ty con (sau đây gọi chung là “Công ty”). Tất cả các công ty con đã được hợp nhất vào Báo cáo tài chính. Ngoài ra, không có công ty con nào bị loại khỏi quá trình hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Danh sách các Công ty con được hợp nhất (gồm 5 công ty)****➤ Công ty Cổ phần Dầu khí V - Gas**

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 1A/8 Đường Châu Văn Lông, KP Long Diêm, Phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 225.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

➤ Công ty Cổ phần Gas Miền Trung

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô số 6, KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Phường Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 327.272.730.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

➤ Công ty TNHH Trung Nam

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 8G khu phố II, Phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 65%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 65%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

➤ Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung (đã thanh lý ngày 25/11/2021)

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Hậu cần Cảng Tam Hiệp, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Tạm dừng hoạt động.

➤ Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị

- Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Nam Đông Hà, Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị, Việt Nam.
- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty: Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Vốn điều lệ: 10.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51%.
- Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%.
- Tình trạng hoạt động: Đang hoạt động.

2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập tuân thủ theo quy định của Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 về hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**4.1 Các nguyên tắc và phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất****4.1.1 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con.

Công ty con là doanh nghiệp do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ các hoạt động của công ty này. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày Công ty bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Các Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách nhất quán. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa các công ty trong cùng Công ty.

Việc thoái vốn của Công ty mẹ tại công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Nếu thoái vốn mà mất quyền kiểm soát thì các khoản lãi, lỗ phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***Loại trừ các giao dịch nội bộ**

Các số dư, giao dịch nội bộ và các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa các công ty trong cùng Công ty với nhau bị loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

4.1.2 Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

4.1.3 Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày thành một chi tiêu riêng biệt thuộc phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Giá trị lợi ích cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con hợp nhất, gồm: Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày mua được xác định theo giá trị hợp lý tài sản thuần của công ty con tại ngày mua; lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua đến đầu kỳ báo cáo và lợi ích cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu phát sinh trong kỳ báo cáo. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty, được xác định căn cứ vào tỷ lệ lợi ích cổ đông không kiểm soát và lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của các công ty con và được trình bày là một chi tiêu riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.4 Các khoản đầu tư tài chính**Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Phải thu về cho vay

Các khoản phải thu về cho vay được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản cho vay đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản nợ đã quá hạn thu hồi, Công ty đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá gốc được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc.

4.7 Tài sản cố định hữu hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc, thiết bị	5 – 20
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 8

4.8 Tài sản cố định vô hình**Nguyên giá**

Tài sản cố định vô hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Thương hiệu sản phẩm	Hết khấu hao

4.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phân ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	20

4.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm;
- Chi phí đền bù, giải phóng mặt bằng của đất thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê đất theo hợp đồng;
- Chi phí vô hình, chi phí kiểm định vô hình được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian lần lượt tương ứng là 10 năm và 5 năm;
- Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng bảo hiểm;
- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế dự kiến tạo ra.

4.11 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời ngoại trừ các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Thuế TNDN hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế TNDN hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán sao cho đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế TNDN hoãn lại chưa ghi nhận này.

Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ nếu khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế và chênh lệch tạm thời được khấu trừ liên quan đến cùng một đối tượng nộp thuế và được quyết toán với cùng một cơ quan thuế.

4.12 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

4.13 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.14 Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phân ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

4.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
 - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
 - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
 - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
 - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

4.17 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

Trường hợp doanh thu đã ghi nhận kỳ trước nhưng sau ngày kết thúc kỳ kế toán mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu tương ứng thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc sau:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo;
- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì hạch toán giảm doanh thu của kỳ sau.

4.18 Giá vốn hàng bán

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

4.19 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi vay, lãi mua hàng trả chậm, các khoản chi phí và lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

4.20 Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

4.21 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất.

4.22 Công cụ tài chính**Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi, các khoản đầu tư tài chính, các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

4.23 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng

- Thuế giá trị gia tăng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10% đối với khí hóa lỏng LPG và các sản phẩm liên quan khác.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng thuế suất 20%.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

4.24 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

5. Điều chỉnh hồi tố

Công ty thực hiện điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu của Báo cáo tài chính theo kết quả kiểm tra của Cục thuế Tỉnh Quảng Nam tại Quyết định số 4612/QĐ-CTQNA ngày 10/06/2021. Cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán hợp nhất	Mã số	Số liệu tại ngày		Chênh lệch	Ghi chú
		31/12/2020	01/01/2021 (Đã hồi tố)		
1. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	9.147.401.942	36.751.935.267	27.604.533.325	(1), (2)
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	(16.068.674.490)	(43.673.207.815)	(27.604.533.325)	(1), (2)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a	9.395.974.836	8.439.155.563	(956.819.273)	(2)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(25.464.649.326)	(52.112.363.378)	(26.647.714.052)	(1)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	Mã số	Năm 2020		Chênh lệch	Ghi chú
		Năm 2020	Đã hồi tố		
1. Chi phí khác	32	4.366.915.798	8.825.066.770	4.458.150.972	(1)
2. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	37.761.704.106	59.951.267.186	22.189.563.080	(1)
3. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	60	4.637.571.548	(22.010.142.504)	(26.647.714.052)	(1)
4. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	133	(475)	(608)	(1)
5. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	133	(475)	(608)	(1)

(1) Chỉ tiêu “Chi phí khác” và “Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành” năm 2020 tăng lần lượt là 4.458.150.972 đồng và 22.189.563.080 đồng là do Cơ quan thuế xác định tiền phạt và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp. Theo đó, “Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ” trên Báo cáo kết quả

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2020 và chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này” tại ngày 01/01/2021 giảm tổng hợp là 26.647.714.052 đồng, khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tại ngày 01/01/2021 tăng lên một lượng tương ứng. Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu giảm 608 đồng.

- (2) Tổng tiền phạt và truy thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2015 đến năm 2019 qua kiểm tra thuế là 956.819.273 đồng. Việc điều chỉnh hồi tố số tiền này làm ảnh hưởng lũy kế đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2021 như sau: khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước” giảm đi 956.819.273 đồng và khoản mục “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tăng lên một lượng tương ứng.

Tổng các khoản phạt và truy thu từ năm 2015 đến năm 2020 đã được điều chỉnh hồi tố như sau:

	Năm 2020	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	Năm 2016	Năm 2015	Tổng cộng
Tiền thuế truy thu	22.189.563.080	87.285.198	431.858.045	63.559.674	130.925.983	98.646.411	23.001.838.391
Trong đó:							
Thuế GTGT	-	-	52.038.364	-	43.413.636	48.227.455	143.679.455
Thuế TNCN	-	4.235.377	1.471.490	1.125.437	-	1.503.073	8.335.377
Thuế TNDN	22.189.563.080	83.049.821	378.348.191	62.434.237	87.512.347	48.915.883	22.849.823.559
Tiền thuế phạt	4.458.150.972	17.457.040	88.189.791	12.711.935	26.185.196	-	4.602.694.934
Cộng	26.647.714.052	104.742.238	520.047.836	76.271.609	157.111.179	98.646.411	27.604.533.325

Ảnh hưởng tổng hợp của việc điều chỉnh (1) và (2) làm giảm chỉ tiêu “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” và tăng chỉ tiêu “Thuế và các khoản phải nộp nhà nước” tại ngày 01/01/2021 cùng một lượng là 27.604.533.325 đồng.

6. Tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền mặt	2.988.682.586	13.065.729.966
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.354.619.866	70.986.177.894
Cộng	18.343.302.452	84.051.907.860

7. Các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	01/01/2021
Tiền gửi ngân hàng kỳ hạn không quá 3 tháng	59.250.920.721	-
Cộng	59.250.920.721	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	302.656.717.630	302.656.717.630	-	-
Cộng	302.656.717.630	302.656.717.630	-	-

Tại thời điểm 31/12/2021, khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi trên 3 tháng và có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng. Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng các khoản tiền gửi này không bị tổn thất, suy giảm về giá trị. Trong đó, số dư tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là 200.000.000.000 đồng.

9. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung	84.945.052.336	-
Các đối tượng khác	102.048.391.401	175.169.014.124
Cộng	186.993.443.737	175.169.014.124

Trong số các khoản phải thu khách hàng khác có 29.269.235.078 đồng đã được cầm cố, đảm bảo nợ vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam.

10. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư sản xuất và Cho thuê thiết bị	259.710.000	2.660.835.209
Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G	3.000.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Ô tô Nam Phát	1.610.225.000	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Sản xuất Đại Nam	1.264.042.505	-
Các đối tượng khác	3.659.392.422	4.843.104.718
Cộng	9.793.369.927	7.503.939.927

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Ông Trần Minh Đạt (*)	2.086.000.000	4.536.000.000
Cộng	2.086.000.000	4.536.000.000

(*) Là khoản tiền Công ty TNHH Trung Nam (Công ty con) cho ông Trần Minh Đạt vay theo hợp đồng số 01/2020/HĐMT-TNAM-TMD ngày 10/03/2020 và Phụ lục Hợp đồng cho mượn tiền số 012021/PLHĐCMT ngày 02/01/2021 và số 02-2021/PLHĐGHMT ngày 31/12/2021. Thời hạn cho vay đến 31/12/2022.

12. Phải thu khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	35.482.775.079	-	10.295.061.437	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	6.508.229.385	-	-	-
Công ty TNHH SCT Gas Việt Nam	771.927.748	(771.927.748)	771.927.748	(771.927.748)
Ký cược, ký quỹ	2.500.000.000	-	2.000.000.000	-
Phải thu khác	4.694.867.147	-	39.673.603	-
Cộng	49.957.799.359	(771.927.748)	13.106.662.788	(771.927.748)

b. Dài hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược, ký quỹ	23.924.200.000	-	29.595.200.000	-
Cộng	23.924.200.000	-	29.595.200.000	-

13. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Năm 2021	Năm 2020
Số dư dự phòng phải thu đầu kỳ	(1.672.986.272)	(1.672.986.272)
Dự phòng trích trong kỳ	(99.311.613.873)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số dư dự phòng phải thu cuối kỳ	(100.984.600.145)	(1.672.986.272)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	13.801.668.443	-	11.234.261.520	-
Công cụ, dụng cụ	328.541.950	-	23.950.104	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.062.997.793	-	-	-
Thành phẩm	2.977.401.981	-	855.219.064	-
Hàng hóa	37.703.057.292	-	13.465.084.180	-
Cộng	55.873.667.459	-	25.578.514.868	-

15. Chi phí trả trước

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.569.026.028	814.672.168
Chi phí bảo hiểm	373.123.565	478.399.221
Phí bảo lãnh	480.586.078	-
Chi phí trả trước khác	816.270.540	523.173.090
Cộng	3.239.006.211	1.816.244.479

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí kiểm định vô hình	5.794.751.246	4.036.315.059
Chi phí quyền khai thác kinh doanh (i)	11.221.645.979	17.076.417.803
Chi phí vô hình phân bổ	391.294.133.466	396.404.151.594
Chi phí bảo dưỡng vô hình	12.035.273.095	6.632.928.348
Tiền thuê đất (ii)	17.277.574.778	16.664.432.091
Chi phí dài hạn chờ phân bổ khác	5.866.024.892	2.053.192.733
Cộng	443.489.403.456	442.867.437.628

(i) Là chi phí mà Công ty CP Dầu khí V-Gas phải trả để nhận lại quyền kinh doanh trực tiếp với các đại lý của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Lê Thiên Phú tại địa bàn Bà Rịa – Vũng Tàu theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền kinh doanh, quyền quản lý, khai thác khách hàng số 09/2020/HĐVGASĐX-LTP ngày 25/09/2020. Thời gian phân bổ là 36 tháng.

(ii) Tiền thuê đất tại ngày 31/12/2021 bao gồm:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Địa điểm	Thời hạn (năm)	Thời gian kết thúc	Diện tích (m ²)	Số tiền
- Lô số 4, KCN Điện Nam – Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	10	30/06/2027	11.556	808.028.730
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	15	31/12/2035	3.150	716.220.866
- Lô số 6 KCN Điện Nam - Điện Ngọc, Thị xã Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam	25	23/10/2046	980	393.222.060
- KCN Hậu cần cảng Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam	50	15/06/2066	48.980	15.289.905.795
- Thôn Trung Hiệp, Xã Hiệp An, Huyện Đức Trọng, Tỉnh Lâm Đồng	7	13/07/2023	5.731	36.363.638
- Các địa điểm nhỏ lẻ khác	-	-	-	33.833.689
Cộng				17.277.574.778

16. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiền vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	125.033.816.023	531.800.879.063	58.006.252.401	212.147.454	882.663.182	715.935.758.123
Tăng trong năm	464.182.800	1.725.459.181	18.385.067.272	323.438.182	-	20.898.147.435
XDCB hoàn thành	1.084.607.275	-	-	-	-	1.084.607.275
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.253.234.545	-	-	1.253.234.545
Số cuối năm	126.582.606.098	533.526.338.244	75.138.085.128	535.585.636	882.663.182	736.665.278.288
Khấu hao						
Số đầu năm	19.751.979.799	114.008.805.059	27.144.899.500	179.112.474	372.405.875	161.457.202.707
Phân loại lại	15.000.000	227.326.770	(242.326.770)	-	-	-
Khấu hao trong năm	5.541.278.120	35.140.398.883	5.346.964.689	51.437.850	170.871.972	46.250.951.514
Thanh lý, nhượng bán	-	-	1.253.234.545	-	-	1.253.234.545
Số cuối năm	25.308.257.919	149.376.530.712	30.996.302.874	230.550.324	543.277.847	206.454.919.676
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	105.281.836.224	417.792.074.004	30.861.352.901	33.034.980	510.257.307	554.478.555.416
Số cuối năm	101.274.348.179	384.149.807.532	44.141.782.254	305.035.312	339.385.335	530.210.358.612

• Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay tại ngày 31/12/2021 là 394.845.332.225 đồng.

• Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021 là 37.279.359.882 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2021 của Công ty là các nhãn hiệu hàng hóa đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với nguyên giá là 2.818.181.818 đồng.

18. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất (*)	Nhà cửa, vật kiến trúc (*)	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	93.351.936.778	975.245.040	94.327.181.818
Khấu hao			
Số đầu năm	-	48.762.252	48.762.252
Khấu hao trong kỳ	-	48.762.252	48.762.252
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	-	97.524.504	97.524.504
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	93.351.936.778	926.482.788	94.278.419.566
Số cuối năm	93.351.936.778	877.720.536	94.229.657.314

(*) Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất không thời hạn và nhà ở tại 68-74-76 Lê Duẩn, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng. Tại ngày 31/12/2021, tài sản này đang được cho thuê dài hạn và đã cầm cố, thế chấp đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng.

19. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2021	01/01/2021
Mua sắm tài sản cố định	2.240.909.090	2.190.909.091
Xây dựng cơ bản dở dang	39.012.031	-
Cộng	2.279.921.121	2.190.909.091

20. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2021	01/01/2021
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2.452.605.495	1.973.807.056
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	2.452.605.495	1.973.807.056

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. Lợi thế thương mại

	Năm 2021	Năm 2020
Giá trị đầu kỳ	3.416.387.394	7.381.739.749
Phân bổ trong kỳ	560.787.936	795.585.482
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	3.169.766.873
Giá trị cuối kỳ	2.855.599.458	3.416.387.394

22. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Kinh doanh LPG Việt Nam - CN Miền Nam	31.277.249.563	28.016.649.619
Chi nhánh Tổng Công ty khí Việt Nam - CTCP - Công ty kinh doanh Sản phẩm khí	197.702.572.538	105.420.772.812
Các đối tượng khác	3.406.246.978	21.139.378.010
Cộng	232.386.069.079	154.576.800.441

23. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Công ty TNHH ODK Mikazuki Việt Nam	1.295.773.660	-
Các đối tượng khác	4.777.367.711	6.631.510.347
Cộng	6.073.141.371	6.631.510.347

24. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ	
	Phải thu	Phải nộp			Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	2.450.305	1.296.278.319	38.578.122.631	39.604.968.218	-	266.982.427
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.328.610.212	30.685.711.522	8.987.180.010	35.465.711.522	1.284.454.995	3.163.024.793
Thuế thu nhập cá nhân	75.033.764	167.250.492	336.938.748	480.197.928	73.779.889	22.737.437
Thuế nhập khẩu	-	-	16.433.709.725	16.433.709.725	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	1.596.879.006	1.596.879.006	-	-
Các loại thuế khác	500.000	-	342.644.424	322.344.424	-	19.800.000
Tiền thuế phạt, chậm nộp	-	4.602.694.934	742.424.916	5.345.119.850	-	-
Cộng	2.406.594.281	36.751.935.267	67.017.899.460	99.248.930.673	1.358.234.884	3.472.544.657

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính này có thể thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
Chi phí vận chuyển	1.068.566.263	801.795.779
Chi phí lãi vay	1.401.899.927	-
Các khoản trích trước khác	190.000.000	194.000.000
Cộng	2.660.466.190	995.795.779

26. Phải trả khác

a. Ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Lãi vay phải trả	831.780.823	52.438.356
Thủ lao HDQT, BKS	956.000.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	117.648.525	41.030.510
Cộng	1.905.429.348	93.468.866

b. Dài hạn

	31/12/2021	01/01/2021
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	95.959.725.445	100.800.171.278
Cộng	95.959.725.445	100.800.171.278

27. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay ngắn hạn

	Số đầu năm		Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm	
	Ngoại tệ	VND			Ngoại tệ	VND
Vay ngắn hạn (USD)						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	-		91.259.831.829	54.549.695.239	1.613.987,10 #	36.710.136.590
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đà Nẵng	-		208.220.343.194	28.277.601.839	7.838.416,79 #	179.942.741.355
Vay ngắn hạn (VND)						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hội An	-	329.900.000.000	1.103.772.596.055	1.133.632.596.055	-	300.040.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	-	71.500.000.000	669.060.000.000	683.860.000.000	-	56.700.000.000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Đà Nẵng	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn (JPY)						
- Tokai Coporation (*)	- #	-	120.068.282.000	5.542.580.000	571.400.000 #	114.525.702.000
Cộng		401.400.000.000	2.202.381.053.078	1.915.862.473.133		687.918.579.945

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(*) Khoản vay được thế chấp bởi 1.636.364 cổ phần đầu tư vào Công ty CP Gas Miền Trung và 1.125.000 cổ phần đầu tư vào Công ty CP Dầu khí V-Gas.

b. Vay dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay dài hạn	23.200.000.000	20.800.000.000	-	44.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Diễm Tuyền (i)	23.200.000.000	20.800.000.000	-	44.000.000.000
	23.200.000.000	20.800.000.000	-	44.000.000.000

(i) Vay dài hạn bà Nguyễn Thị Diễm Tuyền theo các hợp đồng vay:

- Hợp đồng vay tiền ngày 18/12/2020, hạn mức vay là 23.200.000.000 đồng. Thời hạn cho vay là 4 năm kể từ ngày 18/12/2020. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Không có tài sản đảm bảo.
- Hợp đồng vay tiền ngày 20/01/2021, hạn mức vay là 21.073.866.000 đồng. Thời hạn cho vay là 4 năm kể từ ngày 20/01/2021. Lãi suất vay là 7,5%/năm. Không có tài sản đảm bảo.

28. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 01/01/2020	421.240.940.000	51.060.995.563
Tăng trong năm	42.121.840.000	(22.010.142.504)
Giảm trong năm	-	42.621.840.000
Giảm do hợp nhất	-	30.102.220.874
Số dư tại 31/12/2020	463.362.780.000	(43.673.207.815)
Số dư tại 01/01/2021	463.362.780.000	(43.673.207.815)
Tăng trong năm	-	(61.681.658.705)
Giảm trong năm	-	-
Giảm do hợp nhất	-	-
Số dư tại 31/12/2021	463.362.780.000	(105.354.866.520)

b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	463.362.780.000	463.362.780.000
Cổ tức đã chia	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

c. Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu phổ thông	46.336.278	46.336.278
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận năm trước chuyển sang	(43.673.207.815)	51.060.995.563
Các khoản giảm lợi nhuận sau thuế do hợp nhất	-	30.102.220.874
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	(61.681.658.705)	(22.010.142.504)
Phân phối lợi nhuận	-	42.621.840.000
Phân phối lợi nhuận năm trước (*)	-	42.621.840.000
- Trích thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	300.000.000
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	200.000.000
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	42.121.840.000
Phân phối lợi nhuận năm nay	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ	(105.354.866.520)	(43.673.207.815)

e. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/04/2021/NQ-ĐHCD ngày 23/04/2021 đã quyết định không chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

29. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi ích cổ đông không kiểm soát đầu kỳ	342.280.200.229	92.062.508.578
Lợi ích cổ đông không kiểm soát tăng trong kỳ	(46.442.894.947)	251.671.080.496
- Tăng từ kết quả kinh doanh trong năm	(46.442.894.947)	1.941.081.307
- Tăng từ phát hành cổ phiếu cho CĐKKS	-	194.002.367.229
- Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu	-	55.727.631.960
Lợi ích cổ đông không kiểm soát giảm trong kỳ	-	1.453.388.845
- Giảm do chia cổ tức	-	1.453.388.845
Cộng	295.837.305.282	342.280.200.229

30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bán hàng hóa	1.622.634.091.108	1.261.951.408.151
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.017.352.685	15.062.353.932
Doanh thu khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng,...)	1.677.423.199	24.553.135.979
Cộng	1.634.328.866.992	1.301.566.898.062

31. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2021	Năm 2020
Chiết khấu thương mại	67.512.495.555	76.185.724.717
Giảm giá hàng bán	-	569.574.111
Cộng	67.512.495.555	76.755.298.828

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32. Giá vốn hàng bán

	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn bán hàng hóa	1.323.436.787.612	949.490.702.791
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	6.827.499.722	7.268.333.907
Giá vốn của hoạt động khác (vỏ bình gas, van qua sử dụng)	182.382.423	24.624.970.688
Cộng	1.330.446.669.757	981.384.007.386

33. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	8.275.466.346	484.860.052
Lãi thanh lý khoản đầu tư	49.146.143.623	-
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	610.022.411	73.413.517
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ	5.542.555.900	-
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	91.633.450
Cộng	63.574.188.280	649.907.019

34. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí lãi vay	25.874.790.995	42.865.059.476
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	898.612.015	7.522.842
Chi phí tài chính khác	1.246.802.288	1.438.954.540
Cộng	28.020.205.298	44.311.536.858

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 (Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

35. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân viên bán hàng	26.281.671.007	21.757.312.711
Chi phí vỏ bình phân bổ, thương hiệu	69.332.169.888	53.965.840.003
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.984.722.031	36.030.574.062
Chi phí phân bổ công cụ dụng cụ	16.110.869.401	10.133.635.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.063.881.574	5.125.019.220
Các khoản khác	28.774.168.011	18.405.337.417
Cộng	180.547.481.912	145.417.718.969

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, công cụ, dụng cụ	1.143.173.160	1.407.102.618
Chi phí nhân viên quản lý	18.549.943.091	14.518.338.619
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.440.979.348	5.927.792.607
Trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi	161.136.981.760	-
Phân bổ lợi thế thương mại	560.787.936	795.585.482
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.486.568.333	3.204.534.790
Các khoản khác	9.059.337.582	7.902.138.513
Cộng	198.377.771.210	33.755.492.629

36. Thu nhập khác

	Năm 2021	Năm 2020
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	15.454.545	104.545.456
Phân bổ tiền nhận ký cược vỏ bình gas	18.018.854.961	16.655.586.484
Các khoản thu nhập khác	403.558.400	10.205.115.120
Cộng	18.437.867.906	26.965.247.060

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

37. Chi phí khác

	Năm 2021	Năm 2020
Xử lý công nợ	4.067.000.000	-
Tiền đặt cược vỏ bình gas không được hoàn	1.684.416.144	1.487.841.572
Chi phí phạt, bồi thường	1.072.651.674	4.546.928.470
Chi phí hoàn cược vỏ	1.138.526.036	1.987.912.645
Chi phí khác	1.477.278.276	802.384.083
Cộng	9.439.872.130	8.825.066.770

38. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(98.003.572.684)	38.732.930.701
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	138.287.789.393	260.287.797.111
- Điều chỉnh tăng	193.356.611.711	269.078.669.351
+ Các khoản chi phí không được trừ	96.337.965.970	16.852.706.986
+ Tăng thu nhập chịu thuế theo BB kiểm tra thuế năm 2020	-	110.947.815.400
+ Lỗ tại Công ty mẹ và các Công ty con	96.457.857.805	-
+ Lỗ do thoái vốn tại Công ty con	-	129.101.156.250
+ Phân bổ lợi thế thương mại	560.787.936	795.585.482
+ Các khoản điều chỉnh tăng khác	-	11.381.405.233
- Điều chỉnh giảm	55.068.822.318	8.790.872.240
+ Điều chỉnh dự phòng đã trích lập	-	182.338.311
+ Chuyển lỗ của các Công ty con	317.297.148	-
+ Lãi do thoái vốn tại Công ty con	49.146.143.623	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm khác	5.605.381.547	8.608.533.929
Tổng thu nhập chịu thuế	40.284.216.709	299.020.727.812
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	8.056.843.342	59.804.145.563
Thuế TNDN được giảm ở Công ty con	113.818.549	256.795.884
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	8.987.180.010	59.951.267.186
<i>Trong đó:</i>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành của kỳ này	7.943.024.793	59.804.145.563
- Chi phí thuế TNDN truy thu các năm trước	1.044.155.217	724.769.310
- Điều chỉnh giảm thuế TNDN hiện hành các năm trước	-	(320.851.803)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

39. Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(61.681.658.705)	(22.010.142.504)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ KGPL, thưởng HĐQT, BKS)	-	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(61.681.658.705)	(22.010.142.504)
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	46.336.278	46.336.278
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm	-	-
Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu	(1.331)	(475)

40. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.996.160.685	12.238.138.618
Chi phí nhân công	48.780.524.370	46.842.247.613
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.860.501.702	47.159.761.303
Chi phí dịch vụ mua ngoài	78.615.406.563	75.477.679.255
Chi phí khác bằng tiền	49.753.256.543	37.013.468.721
Cộng	239.005.849.863	218.731.295.510

41. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm theo khu vực địa lý. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý, cụ thể:

- ❖ Khu vực Miền Trung: Gồm Công ty mẹ, Công ty Cổ phần Gas Miền Trung, Công ty TNHH MTV Bán lẻ Gas Miền Trung và Công ty TNHH MTV Gas Quảng Trị.
- ❖ Khu vực Miền Nam: Gồm Công ty Cổ phần Dầu khí V – Gas và Công ty TNHH Trung Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Đơn vị tính: VND

BC bộ phận theo khu vực địa lý	Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng toàn Công ty	
	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu bộ phận	995.959.839.135	793.029.962.719	638.369.027.857	508.536.935.343	1.634.328.866.992	1.301.566.898.062
Các khoản giảm trừ doanh thu	29.142.525.041	30.908.430.334	38.369.970.514	45.846.868.494	67.512.495.555	76.755.298.828
Chi phí giá vốn hàng bán bộ phận	819.096.999.442	579.777.105.970	511.349.670.315	401.606.901.416	1.330.446.669.757	981.384.007.386
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cc dịch vụ	147.720.314.652	182.344.426.415	88.649.387.028	61.083.165.433	236.369.701.680	243.427.591.848
Doanh thu hoạt động tài chính	59.752.035.969	627.740.518	3.822.152.311	22.166.501	63.574.188.280	649.907.019
Chi phí hoạt động tài chính	16.264.479.810	36.894.590.218	11.755.725.488	7.416.946.640	28.020.205.298	44.311.536.858
- Chi phí lãi vay	15.068.270.443	35.491.449.038	10.806.520.552	7.373.610.438	25.874.790.995	42.865.059.476
- Chi phí tài chính khác	1.196.209.367	1.403.141.180	949.204.936	43.336.202	2.145.414.303	1.446.477.382
Chi phí bán hàng	105.822.017.742	93.351.388.621	74.725.464.170	52.066.330.348	180.547.481.912	145.417.718.969
Chi phí quản lý doanh nghiệp	170.153.145.470	22.887.933.140	28.224.625.740	10.867.559.489	198.377.771.210	33.755.492.629
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(84.767.292.401)	29.838.254.954	(22.234.276.059)	(9.245.504.543)	(107.001.568.460)	20.592.750.411
Thu nhập khác	8.872.763.930	8.849.679.184	9.565.103.976	18.115.567.876	18.437.867.906	26.965.247.060
Chi phí khác	5.883.239.586	5.125.608.772	3.556.632.544	3.699.457.998	9.439.872.130	8.825.066.770
Lãi/(lỗ) từ hoạt động khác	2.989.524.344	3.724.070.412	6.008.471.432	14.416.109.878	8.997.995.776	18.140.180.290
Lợi nhuận trước thuế	(81.777.768.057)	33.562.325.366	(16.225.804.627)	5.170.605.335	(98.003.572.684)	38.732.930.701
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.827.627.983	56.396.109.466	2.159.552.027	3.555.157.720	8.987.180.010	59.951.267.186
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	1.054.040.454	(446.604.675)	79.760.504	(702.671.934)	1.133.800.958	(1.149.276.609)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(89.659.436.494)	(22.387.179.425)	(18.465.117.158)	2.318.119.549	(108.124.553.652)	(20.069.059.876)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

42. Quản lý rủi ro**a. Quản lý rủi ro vốn**

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Quản lý rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về tỷ giá, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch vay có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: duy trì hợp lý cơ cấu vay ngoại tệ và nội tệ, tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Giá trị ghi sổ của các nợ vay có gốc ngoại tệ như sau:

	31/12/2021	01/01/2021
Vay ngắn hạn (USD)	9.452.403,89	-
Vay ngắn hạn (JPY)	571.400.000	-

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất của Công ty ở mức có thể kiểm soát được.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty mua hàng hóa từ nhà cung cấp trong nước để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, do đó sẽ chịu sự rủi ro từ việc thay đổi giá của hàng hóa đầu vào. Giá mua hàng hóa chiếm tỷ trọng cao trong tổng giá vốn hàng bán nên Công ty đặc biệt chú ý đến rủi ro về biến động giá hàng hóa trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty lựa chọn những nhà cung cấp uy tín, quan hệ kinh doanh lâu năm và luôn yêu cầu được cung cấp những biến động về giá kịp thời nhất. Công ty còn tham khảo giá giữa các nhà cung cấp khác nhau để đảm bảo mua hàng với mức giá hợp lý nhất. Với chính sách quản lý về giá trên, Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động về giá ngoài dự tính của Công ty ở mức kiểm soát được.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Hiện nay, Công ty đang có rủi ro đối với một số khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ các đại lý. Biện pháp đã triển khai là giao cho nhân viên thị trường đốc thúc tiến độ thu hồi, các cấp quản lý thường xuyên theo dõi tình hình thu hồi nợ để có chỉ đạo kịp thời.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

	Đơn vị tính: VND		
31/12/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	232.386.069.079	-	232.386.069.079
Chi phí phải trả	2.660.466.190	-	2.660.466.190
Vay và nợ thuê tài chính	687.918.579.945	44.000.000.000	731.918.579.945
Phải trả khác	1.905.429.348	95.959.725.445	97.865.154.793
Cộng	924.870.544.562	139.959.725.445	1.064.830.270.007
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	154.576.800.441	-	154.576.800.441
Chi phí phải trả	995.795.779	-	995.795.779
Vay và nợ thuê tài chính	401.400.000.000	23.200.000.000	424.600.000.000
Phải trả khác	93.468.866	100.800.171.278	100.893.640.144
Cộng	557.066.065.086	124.000.171.278	681.066.236.364

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hiện có rủi ro thanh khoản cao trong ngắn hạn nhưng tin tưởng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2021	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	77.594.223.173	-	77.594.223.173
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	302.656.717.630	-	302.656.717.630
Phải thu khách hàng	86.780.771.340	-	86.780.771.340
Phải thu về cho vay	2.086.000.000	-	2.086.000.000
Phải thu khác	13.703.096.532	23.924.200.000	37.627.296.532
Cộng	482.820.808.675	23.924.200.000	506.745.008.675
01/01/2021	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.051.907.860	-	84.051.907.860
Phải thu khách hàng	174.267.955.600	-	174.267.955.600
Phải thu về cho vay	4.536.000.000	-	4.536.000.000
Phải thu khác	2.039.673.603	29.595.200.000	31.634.873.603
Cộng	264.895.537.063	29.595.200.000	294.490.737.063

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

43. Thông tin về các bên liên quan

a. Thù lao Hội đồng quản trị

		Năm 2021	Năm 2020
Ông Nguyễn Tiến Lãng	Chủ tịch HĐQT	-	432.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Thành viên HĐQT	-	144.000.000
Bà Hàn Kiều Minh Phương	Thành viên HĐQT	-	144.000.000

b. Thu nhập của thành viên quản lý chủ chốt

		Năm 2021	Năm 2020
Bà Nguyễn Thị Bích Thùy	Tổng Giám đốc	480.150.000	496.500.000
Bà Võ Thị Ánh Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	292.110.000	242.000.000
Bà Phạm Thị Hà	Phó Tổng Giám đốc	-	141.400.000
Bà Nguyễn Thị Linh Thường	Kế toán trưởng	408.150.000	385.200.000

44. Sự kiện quan trọng trong kỳ ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất

Năm 2021 là năm mà Việt Nam chịu sự ảnh hưởng nặng nề bởi Đại dịch Covid-19. Chính phủ đã áp dụng nhiều biện pháp mạnh để ngăn chặn đại dịch như: hạn chế đi lại, kiểm soát biên giới, giãn cách xã hội,... Do đó tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đều bị ảnh hưởng. Tổng Giám đốc Công ty đã đánh giá tác động của Covid-19 đến hoạt động kinh doanh của Công ty và từ đó xây dựng, áp dụng các kế hoạch phù hợp để vừa linh hoạt kiểm soát dịch bệnh vừa đảm bảo sản xuất, kinh doanh an toàn, giảm thiểu các tác động tiêu cực đến Công ty.

45. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào khác xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

46. Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi AAC. Một số chi tiêu đã được điều chỉnh hồi tố như trình bày tại thuyết minh số 5.

Quảng Nam, ngày 29 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Lê Thị Mỹ Nương

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Linh Thường



PHÒNG KIỂM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT
PETRO
MIỀN TRUNG
T. QUẢNG NAM

Nguyễn Văn Trung